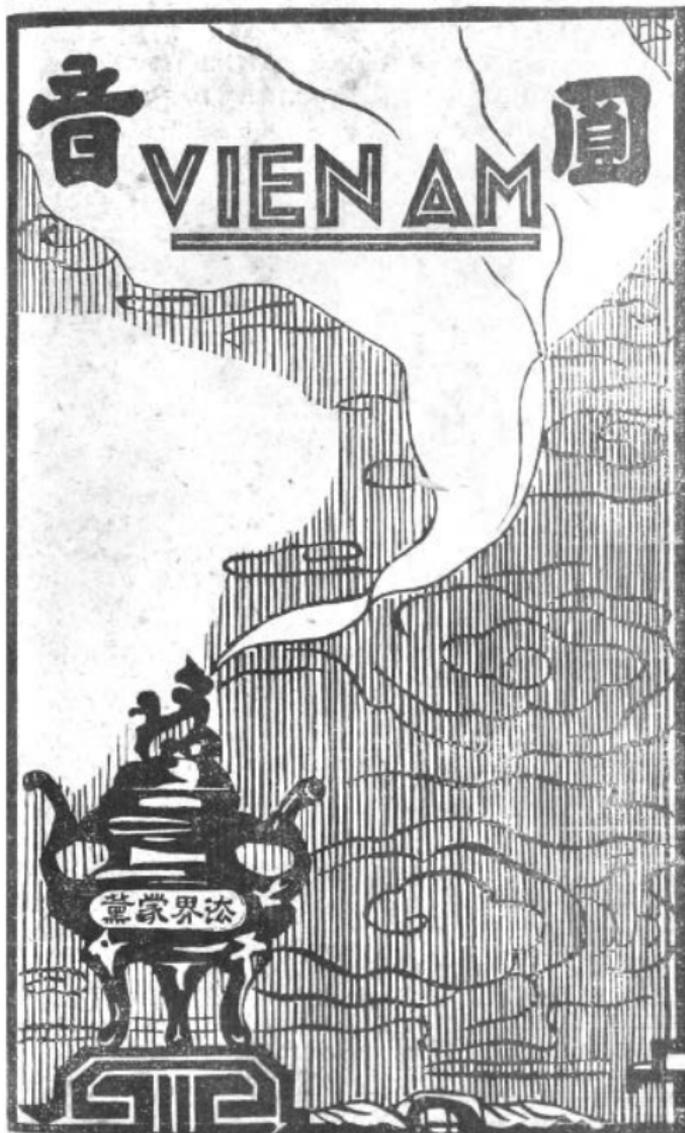


NĂM THỨ 3

Số 27

Tháng Acht

1937



佛學會月刊

NGUYỆT-SAN
PHẬT-HOC

Nam - Mô Bồn - Sư

THÍCH - CA MẬU - NI PHẬT

Tác Đại - Chứng - Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ

Tây-Ba tự Trụ-Tri : Giác-Nhiên duyệt-y

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê-dinh-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

= Vui và buồn (Viên-An) 3

II. — DIỄN ĐÀN

= Dân là con đường hạnh phúc 4

III. — LUẬN-ĐÀN

= Thế-gian tam đại thế-lực 11

= Ý-kiến phụ nữ đối với Phật-học 16

= Bức thư vấn tất gởi các nhà nhân dân đại biểu
Trung-Kỳ 22

IV. — KINH-HỌC

= Đại ý kinh Thủ-Lang-Nghiêm (tiếp theo) 24

= Kinh Thủ-Lang-Nghiêm Hán-tự (tiếp theo) 26

= Kinh Thủ-Lang-Nghiêm diển-ngĩa (tiếp theo) 34

V. — LUẬN HỌC

= Nhơn-minh nhập chánh-lý luận (tiếp theo) 38

VI. — TIN TỨC

= Tin tức Phật-giáo ở các nước 44

VII. — THƯ-LÂM

= Thư-lâm 51

VIII. — TIN TỨC NƯỚC NGOÀI

= Duy vật luận không khéo sẽ bị chìm đắm chăng 62



NAM MÔ BỒN SU
THÍCH CA MÃUNI PHẬT

PHẬT - HỌC - HỘI NGUYỆT - SAN

VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Huế được nghị-định quan Toàn-Quyền ngày 30 juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý-thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài Pháp-văn.

Giá Nguyệt-San.....	}	một năm.....	2\$00
		nửa năm.....	1\$10
		mỗi quyển....	0\$20

Hội-Viên của Hội Phật-Học mua Nguyệt-San thì được trừ 25%.

TÒA SOẠN : Route Nam-Giao — Huế

Thơ từ và bài vở xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Mandat mua Nguyệt-San xin gửi cho

M. Hoàng-xuân-Ba, Quản-lý

Viên-Âm, Boîte postale N° 73 — HUẾ

Phở - Cáo

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán-thành Bản San xin ghi tên vào thơ mua Nguyệt-San rồi gửi một lần với mandat để Bản San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua Nguyệt-San để thế bién lai.

Những bài lai-cáo đáng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đáng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.



Quyền đầu ngũ

VUI VÀ BUỒN

Chúng ta thường ngày đối với cảnh-vật hay sanh ra cảm-giác hoặc vui hoặc buồn, vậy thời chắc ai ai cũng muốn biết vui buồn ấy tự đâu sanh ra. Tự hoàn-cảnh ư? Tự hoàn-cảnh thì sao đối với một cảnh, có khi ta ưa thích biết bao mà lắm khi sao ta lại sinh ra chán nản — Tự tâm-tánh mình ư? Tự tâm-tánh mình thì sao khi mình ngồi một mình lại không tự kiếm ra được sự vui như khi gặp người đồng-chí hoặc tự hóa ra buồn bã như khi bị người ghét mắng? Suy đi xét lại, chúng ta sẽ thấy cả hai bên đều có năng-lực chi-phối nhau, song lẽ bên nào mạnh thì bên ấy được làm chủ phát sanh ra vui, ra buồn, còn bên yếu thì phải bị làm khách. Thí dụ như ta gặp một người, nếu người ấy kém thua ta thì họ thường phải thọ hóa theo ta; trái lại, nếu người ấy lấn hơn ta thì ta phải làm tay sai của họ. Lại như đối với cảnh-vật nếu tâm ta tự chủ được thì dù đối với cảnh nào, ta cũng phải làm nô-lệ cho cảnh ấy.

Vậy trong khi vui, khi buồn, chúng ta nên để tâm xem xét tự-tâm mình, nên tìm cho ra ông chủ-nhơn.ông nơi mình thì mới khỏi bị hoàn-cảnh sai khiến.



DIỄN ĐÀN

ĐẦU LÀ CON ĐƯỜNG HẠNH-PHÚC

(Bài giảng tại Fajfoo ngày 25 Aoút 1937)

I. — Lời nói đầu

Tất cả những loài động-vật, nghĩa là đã có cảm-tình, tri-giác, thì không có một loài nào là không tham sống sợ chết. Xem như loài người kể thì miệt mài theo công-nghệ, kể thì bôn chải theo thương-trường, kể thì lo khoách-trương kỹ-nghệ, kể thì lo khai-xiêng văn-chương, không có một ai là không làm việc, dành rảnh mỗi người theo mỗi đường lối khác nhau, song mục-dịch duy-nhất là: « Tránh khổ tra vui » chứ không chi khác.

Nói rằng tránh khổ tra vui là mục-dịch duy-nhất của nhơn-loại, song mục-dịch ấy còn ở đâu đâu mà nhơn-loại vẫn cứ làm than khổ sở. Nguyên cớ tại đâu? Xin trả lời ngay rằng là nhơn-loại còn thiếu một phương-pháp để thoát khổ được vui đó vậy.

II. — Học-thuyết và tôn giáo thế-gian.

1.) *Chủ-nghĩa thực-tế.* — Nghe như vậy chắc có người bảo rằng: Tỷ như người bị đói rách mà được áo mặc cơm ăn, như người bị lưu ly thất số mà được nhà ở việc làm, thì cần gì phải nghiên-cứu phương-pháp thoát khổ nữa; vả lại ăn, mặc, nhà ở là những món mà ai ai cũng nhu cầu và đã có xã-hội cung cấp cho thì há lại không khỏi khổ được vui hay sao? Nói như vậy cũng có phần đúng, vì rằng ở đời nếu thiếu ăn, mặc, nhà ở thì hẳn thiệt là khổ, song đâu có đủ ăn, mặc, nhà ở đi nữa cũng chỉ là tạm thời khỏi khổ một phần ít mà thôi. Vì sao? Vì nay mà no chưa chừng mai đói, nay ấm mà chưa chừng mai rét, nay lành mà chưa chừng mai đau, thì làm sao cho hẳn thiệt hết khổ? Vả lại người ta còn chịu nhiều chi-phối khác về nhục-thể như già, đau, tật bệnh và về tinh-thần như buồn rầu ghen ghét, chớ chưa hề được tự-chủ bao giờ. Cứ xem ngay như một người đủ ăn, mặc, ở như người nhà giàu hay ông quan mà còn bị những điều chi-phối về vật-chất hay tinh-thần không sao tránh thoát thì đủ rõ.

Vả lại trong khi mưu-cầu những sự ăn, mặc, ở, thì cần phải bán tính suy nghĩ ngàn kể trăm phương, phải lo lắng đêm ngày, phải cạnh tranh với nhau từng gan từng tấc, như đó mà phát sanh ra ghét ghen áp bách cướp hại, rồi những sự cấu-thùc thống khổ khác cũng vì thế mà nảy nở ra. Cho hay mới đỡ thống-khổ một phương-diện này lại sanh ra những thống-khổ về phương-diện khác. Vậy thời lo cho đủ ăn, mặc, ở chưa phải là phương-pháp thoát hết khổ cho nhơn-loại vậy.

2.) *Chủ-nghĩa quân-sân.* — Nghe như vậy chắc có người bảo rằng: Nhơn-loại sở dĩ cạnh-tranh nhau, ghen ghét nhau, bóc lột nhau, diễn ra những tấn tuồng xấu xa hèn mạt là vì tài-sản không đồng, nếu nay phân phát cho đồng nhau thì hẳn không còn cạnh-tranh xấu xé nhau vì tài sản nữa.

Nói rằng cạnh-tranh xấu xé nhau vì tài-sản không đồng-nghĩa là vì hơn hay vì thua? — Nếu vì hơn mà cạnh-tranh xấu xé, thì trái lại thua không cạnh-tranh xấu xé mới phải; sao nay

thua cũng cạnh-tranh xấu xí đó? Nếu vì thua mà cạnh-tranh xấu xí, thì trái lại hơn không cạnh-tranh xấu xí mới phải, sao nay hơn mà cũng cạnh-tranh xấu xí? Nói trắng ngay ra cho dễ hiểu, như anh ăn trộm vì thua tài-sản người nhà giàu mà nói đảo ngược khoét đổ! như người làm quan nọ, kể nhà giàu kia tài-sản đã hơn chủ dân quê mà cũng bóc lột, cũng hối-lộ! Cho hay nói rằng cạnh-tranh xấu xí nhau vì tài-sản không đồng, lý ấy không quyết định vậy.

Còn nói rằng phân phát cho đồng thì khỏi cạnh-tranh xấu xí, cũng không đúng; cứ xem như anh nhà giàu kia tài-sản đã hơn chủ dân quê rồi mà cũng còn tham lam cướp bóc thay, huống chi nay chỉ đồng chủ dân quê, thì chủ dân quê kia sống sao cho nổi một bên con người túi tham không đáy ấy.

Vấn biết ăn, mặc, nhà ở là phải lo làm cho có, song trong đó nếu không có một phương-pháp gì để làm chuẩn-tắc, thì như sự kiếm ăn, mặc, nhà ở mà sinh khổ thêm, và nếu chúng ta sống chỉ vì sống lo cho có ăn mà sống, lo cho có mặc mà sống, lo cho có ở mà sống, nghĩa là phải chịu khổ để mà sống, ngoài ra không có một mục-dịch gì khác nữa, thì như-loại khổ sở biết chừng nào, như sinh vô vị biết chừng nào? Vậy thời chúng ta đã phụ phản tính-thần tri-thức của chúng ta, vì chúng ta cũng không khác gì loài động-vật khác, các loài khác đâu rằng chúng nó ngu si hơn chúng ta, song chúng nó sống cũng để làm khổ sai cho sự sống như chúng ta vậy. Nói như thế chắc có người bảo rằng: loài người biết dùng trí khôn làm cho sự sống được mỹ mãn sung túc thì khác hẳn với các loài động vật khác, Nói rằng vì sự sống của chúng ta mỹ-mãn sung-túc cho nên hơn các loài động-vật cũng không đúng, vì có loài động-vật sự sống của nó cũng mỹ-mãn sung-túc như chúng ta, xem như một con bò ở vào một khoản đồng cỏ xanh rậm, trong một cái chuồng kín đáo và khi gặp một miếng cỏ non nó cũng cho là ngon như khi chúng ta ăn một miếng ngon, khi trong chuồng bỏ nhiều cỏ rạ nó cũng cho ềm ấm sung sướng như chúng ta nằm trên nệm trên chiếu:

sống về vật-chất ở trong loài nào cũng có theo loài này và cũng đến trình độ in nhau chứ không có loài nào hơn loài nào cả.

Thế thì hai lý-thuyết trên chỉ chủ-trương sự ăn, mặc, nhà ở đã đành không phải con đường đem nhơn-loại đến cảnh-giới hạnh-phúc và cũng không có giá-trị gì nữa.

3.) *Triết học*. — Nghe như vậy chắc có người bảo rằng triết-học có thể phát-mình ra chơn-lý, khoa-học có thể phát-mình ra thật-dụng, thì không đủ đảo-tạo hạnh-phúc cho nhơn-loại hay sao?

Nói rằng triết-học phát minh ra chơn-lý cũng chỉ là một lối vô-đoán mà thôi, vì hiện nay triết-học phần nhiều đã làm phụ-túng cho khoa-học cả. Chỉ còn hình-nhi-thượng học là còn tánh-cách triết-học mà thôi. Song hình-nhi-thượng học nào đã phát-mình ra chơn-lý, chơn-lý đã không phát-mình mà đối với nhơn-loại cũng chưa có chút gì đáng gọi là bổ ích. Và gần đây hình-nhi-thượng học đã bị nhận-thức-luận liệt vào một lối học viển vông, không có thực trạng mà nào hình-nhi-thượng học có lý-thuyết gì để phản khán lại đâu?

Thế thì triết-học không phải là cái kim chỉ-nam để cho nhơn-loại bước theo con đường hạnh-phúc.

4.) *Khoa-học*. — Còn khoa-học thì nói cho đúng cũng đã phát-mình ra nhiều khí cụ rất tinh xảo, làm máy móc rất linh-vi, có thể giúp vào một phần dễ dàng và tiện-lợi cho sự sống. Đó là chỉ xem mặt phải của khoa-học thì nó là một kẻ ân-nhân cho nhơn-loại, nếu lật mặt trái của khoa-học ra mà xem, thì đối với nhơn-loại nó là một đứnạ nghịch thủ rất ghê ghớm; xem như trong các cuộc binh lửa, khoa-học là một anh tướng dữ giết người biết là cơ-mô! Lại xem như kinh-tế khủng-hoàng thì biết rằng cũng do nhiều nguyên-nhơn khác nữa, song thủ-phạm cũng là anh khoa-học, vì đã phát-mình quá nhiều khí-cụ và cướp đực hết nghề của lao dân.

Nhơn những trường-hợp ấy mà có kẻ qui tội cho khoa-học, có kẻ lại không qui tội cho khoa-học mà qui tội cho chỗ ngộ dụng khoa-học. Song làm thế nào cho khỏi ngộ dụng khoa-học?

Câu hỏi ấy chính khoa-học đã làm thành không thể trả lời được, thì khoa-học quyết không phải một phương-pháp làm cho nhơn-loại khỏi khổ được vui.

5.) *Nho-giáo.* — Đến đây chắc có nhà nho-học đứng lên mà nói rằng: ở đời không có gì cao quý hơn, hạnh-phúc hơn là lấy tam-cương làm thước mực, lấy ngũ-thường làm chuẩn-tắc cho sự sống của mình và làm những hảo-khiết có thể đương danh hiển thế.

Vấn biết làm những việc làm đương danh hiển thế, sống theo tam-cương ngũ-thường không phải là dễ, nếu chỉ đối theo nhơn cách thì cũng hay lắm rồi, song cũng chưa phải là một phương-pháp làm cho nhơn-loại hết khổ được vui. Vì rằng vua tôi, cha con, chồng vợ, bạn bè cư xử với nhau hết trung hiếu lễ nghĩa nữa thì phong-hóa lễ nghi trong nước đến đó cũng có thể gọi là thiện-mỹ, song còn bị thân-thể khi già, khi đau nó làm chi-phối, cảnh-ngộ khi nghịch khi thuận nó cuốn lối, thì cũng chưa thể nào an vui tự tại được.

Vậy thời sống theo tam-cương ngũ-thường, làm những việc đương danh hiển thế cũng chưa phải là phương-pháp làm cho nhơn-loại khỏi khổ được vui.

6.) *Đạo-giáo.* — Còn có kẻ Đạo-giáo đứng lên mà nói rằng: học đạo chúng tôi lấy tinh-khi-thần làm tam-bảo, chỉ luyện tinh thành khí, luyện khí thành thần, luyện thần về hư-vô, khi ấy có thể ly xu-sắc này mà bay lên làm thần làm tiên trường sanh bất tử, như vậy há lại không khỏi khổ được vui hay sao?

Luyện tinh-khi-thần được trường sanh bất tử, họ cho là hạnh-phúc cũng chỉ là một lối ảo-tưởng mà thôi, vì đầu có thể bỏ xu sắc này mà được một cái thân-thể nhẹ nhào khác, có thể sống được ngàn năm vạn năm đi nữa, rồi một ngày kia cũng phải chết, vì đã có hình-tướng làm ra rồi thể nào cũng phải thay đổi và diệt hoại. Chúng ta thử xem ở đời như thân thể của ta, như hoàn cảnh chung quanh ta, cho đến quả địa cầu đi nữa, bất luận cái gì, có hình-tướng làm ra, đầu lâu hay mau, đều có thay đổi rồi một ngày kia cũng phải diệt hoại

hết. Đã như vậy đến khi họ chết là khổ đó rồi, mà có lẽ lại khổ hơn chúng ta khi chết nữa, vì chúng ta biết chắc chắn rằng đã mang kiếp chúng sanh thì hơi thở cuối cùng không một ai tránh khỏi, chớ họ lại tưởng là không chết mà nay phải chết thì sự thống khổ, sự thất vọng kia lại tăng lên bội phần.

Vậy thời thuyết luyện tinh-khi-thần của đạo gia cũng chưa phải là phương-pháp khỏi khổ được vui.

7.) *Thiên-chúa-giáo*. — Có kẻ lại tin rằng có một đấng thiêng liêng sanh ra vạn vật, chủ quyền cả nhưn-sanh, đứng ấy chỉ tôn chỉ trọng, vô thủy vô chung, ta thờ phụng ngài, cầu nguyện ngài thì sẽ được gần bên ngài đời đời kiếp kiếp ở trong một cảnh-giới tuyệt đẹp đẽ, hề không theo ngài, không thờ phụng ngài thì sẽ bị vào đời đời kiếp kiếp trong một cảnh-giới xấu xa khổ sở; rồi họ lấy sự thờ phụng ngài để được ban thưởng làm hạnh-phúc.

Đứng thiêng liêng của họ tin đó, dầu cho có đi nữa cũng chưa phải là chỉ tôn chỉ trọng, bình-dẳng tứ-bi, vì còn ban thưởng kẻ cầu nguyện mình, còn hành-phạt kẻ không theo mình, cũng như một người rất có thể-lực, hề ai cầu lụy mình thì cho chức này chức khác, hề ai không chịu lụy mình thì bị đầy bị chém: đã là thiêng-liêng thì cái gì cũng sanh ra, cái gì cũng cải lại được, mà nay đã sanh người ra, để cho người tự-do không theo mình, rồi bác bỏ vào Địa-ngục là lý làm sao?

Dầu cho họ nói, miễn ở trong một cảnh giới đẹp đẽ là sướng rồi, chớ cần gì mà biện luận cái khác, thì cái sướng ấy đã do ngoại cảnh mà có, lâu ngày cũng nhàm chán, như chúng ta đương ở nhà tranh tường được ở nhà ngói sướng, nếu được ở nhà ngói lâu ngày rồi thì không thấy gì là sướng cả, cũng như khi trước ở nhà tranh không khác.

Vậy thời người tin tưởng đấng thiêng liêng của họ, dầu có được gần bên ngài ở trong một cảnh-giới đẹp đẽ cũng không có gì là hạnh-phúc, vì cứ phải phục túng ngài và lâu ngày phải chán, như anh ở nhà ngói kia thôi.

Vậy lối tin tưởng như vậy không phải là phương-pháp làm cho nhơn-loại khỏi khổ được vui.

Nói tóm lại, con đường xu-hướng tin-ngưỡng của dân chúng hiện thời, vẫn biết trăm phương ngàn lối, song đại-đề cũng nằm trong các lối kể trên. Các lối ấy cũng không phải con đường giải-thoát, mà nhơn-loại bao giờ cũng * cần phải giải-thoát, thì thiết là còn thiếu phương-pháp đề tự cứu lấy mình làm vậy.

(Còn nữa)

THÍCH-ĐÓN-HIỆU

ĐÍNH CHÁNH

SỐ 26

Trang 14, hàng 13,..... còn Mật-Trống, Tịnh-Mộ-Trống thì hóa ra.....

Xin đọc :..... còn Mật-Trống, Tịnh-**ĐỘ**-Trống.....

Trang 26. Về Đại-ý kinh, đầu đề : « Phật nương nơi kiến-tỉnh chữ rõ Như-lai-tạng tánh ».

Xin đọc : « Phật tóm chỉ các pháp-tướng đều là giả dối, thiết ra chỉ là Như-lai-tạng-tánh » (tiếp theo).

Trang 36, Về luận Nhơn-Minh, hàng đầu, phần chữ nhơn, chữ 示 xin đọc 是; hàng 3, chữ 爲 xin đọc 謂; phần chữ quốc-ngữ, hàng 5,..... Vô-thường, thị danh đồng : giả, vị ư thị...

Xin đọc :..... Vô-thường, thị danh đồng phạm; **dị phạm** giả, vị ư thị.....

Trang 37, hàng 3,..... ư dị biến vô, thị vô-thường đẳng nhơn, xin đọc : ư dị **phạm** biến vô, thị vô-thường đẳng nhơn.

Trang 47, hàng 30,..... cho họ tập lần từ hai ngày **sắc** vọng cho đến mười ngày, xin đọc : cho họ tập lần từ hai ngày **súc** vọng cho đến mười.

Trang 48, hàng 3,..... ngày mừng mọi lại không....., xin đọc : ngày mừng **một** lại không.....

VIÊN-ÂM

THỂ GIAN TAM ĐẠI THỂ LỰC

(Tiếp theo)

2) Nghiệp Thế-lực

Còn nghiệp thế-lực là cái thế-lực của cái ảnh hưởng các sự hành động về trước. Các loài hữu-tính chúng-sanh do các sự hành-dộng về trước nên chịu các quả báo về sau. Chịu quả báo như vậy là vì đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, người đánh bạc thì ra gần người đánh bạc, người nghiên cứu thì ra gần người nghiên cứu, chớ không chi khác. Nghiệp báo của các chúng-sanh rất phức tạp, song đại lược có thể chia ra sáu đường là Thiên, Nhơn, Tu-la, Ngã-quả, Súc-sanh, Địa-ngục, hoặc chia ra tứ-sanh là: thai-sanh, noãn-sanh, thấp-sanh, hóa-sanh.

a) *Thai-sanh* là những loài, khi trong bụng mẹ sanh ra đã đủ cả lực căn, như loài người, loài trâu, bò, loài trời ở dục-giới vân vân.

b) *Noãn-sanh* là những loài do trứng nở ra, như các loài chim, loài cá, vân vân.

c) *Thấp-sanh* là những loài nhờ thấp-khi mà sanh, như các loài vi trùng, vân vân.

d) *Hóa-sanh* là những loài hóa ra thân thể, không có cha mẹ, như loài trời ở Tứ-thuần vân vân.

Nghiệp thế-lực cũng tức là cái thế-lực nơi tâm niệm chúng ta.

Nghiệp có ba món là thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ý-nghiệp, mà ý nghiệp là hệ trọng hơn hết, nên nghiệp lực có thể chia ra hai phần, một phần gọi là tương tục thế-lực, tức là cái thế-lực của tâm niệm-sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nối nhau mãi mãi làm cho chúng ta tuy khi lớn khác, khi nhỏ khác, khi mạnh khác, khi đau khác, mà ta vẫn là ta, không hóa thành người khác. Chẳng những vậy mà bề chúng ta tập cái gì thì quen cái

ấy; đánh bạc quen tay, ngũ ngày quen con mắt; tập quen như vậy đều do cái tương-tục thể-lực.

Phần thứ hai là mãnh-lợi thể-lực. Thể-lực này mạnh mẽ quá quyết, có thể phát khởi ra những sự hành động đặc biệt, nên gọi là mãnh-lợi thể-lực. Ví dụ như chúng ta có cái thân người, lạnh quá thì chịu không nổi muốn mặc đồ ấm, đó là tương-tục thể-lực; đến khi vào nhà hàng mua nỉ về may áo mặc thì về phần mãnh-lợi thể-lực.

Xem như vậy thì biết tuy phần nhiều mãnh-lợi thể-lực gần giống với tương-tục thể-lực, nhưng lắm khi mãnh-lợi thể-lực cũng có thể trái hẳn với tương-tục thể-lực. Như một người có thói quen đánh bạc, tương-tục thể-lực của người ấy thường xui khiến đi đánh bạc và mãnh-lợi thể-lực cũng phát ra tâm-niệm đánh bạc; về sau, người ấy hoặc bị việc gì, hoặc nhờ nghe được lời phải, biết tỉnh ngộ, thì tuy tương-tục thể-lực vẫn xui khiến, mà mãnh-lợi thể-lực quyết định không chịu đi đánh nữa. Chẳng những mãnh-lợi thể-lực có thể trái hẳn với tương-tục, mà nhiều khi còn có thể tạo thành một cái thể-lực tương-tục mới: như người quyết định không đi đánh trên kia, không đánh bạc lâu ngày thì lại hóa ra cái thói quen không đi đánh bạc.

Do cái tâm-niệm mãnh-lợi gây các nghiệp lành nghiệp dữ, có thể thay đổi cái tâm-niệm tương-tục, nên nghiệp-quả về sau mới hóa ra sai khác, có khi thì hiện đây gây nghiệp, rồi hiện đây chịu báo, có khi thì đời này gây nghiệp mà đời sau hoặc đời sau nữa mới chịu báo. Khi chịu báo về một nghiệp nào, nghiệp người hay nghiệp súc sanh, vân vân, thì toàn thể vũ-trụ đều biến hiện theo nghiệp ấy, đầu đi đến chỗ nào cũng chỉ hưởng thụ cảnh giới theo tâm thức của nghiệp ấy mà thôi. Toàn-thể vũ-trụ như một cây vải các nghiệp-báo như các thước đo vải, dài ngắn khác nhau, nếu tuy đồng một vũ-trụ, nghiệp người thấy theo loài người, nghiệp ngựa-quỉ thấy theo ngựa-quỉ, cũng như đồng một cây vải, lấy thước thợ may đo thì được ba mươi thước còn đo bằng thước tây thì chỉ có mười tám thước.

Do một phần đồng chúng sanh, chỗ gây nghiệp như nhau, nên chỗ chịu báo như nhau, đồng sanh trong một loài và đối với nhau thì gọi là đồng-nghiệp; như loài người đồng hưởng cái thân người, đồng hưởng-thụ cái cảnh của người như nhau, đó là vì đồng nghiệp. Tuy trong đồng nghiệp, vẫn có kẻ thông minh, người ngu dốt, kẻ quyền cao chức trọng, người nghèo hèn cực khổ, vì các nhơn đời trước không thiệt giống nhau, nhưng đã đồng một loài người thì chỗ thấy nghe hay biết đều như nhau cả. Vì như 10 người đồng đeo gương đỏ thì chỗ thấy đỏ cũng đồng như nhau, chúng sanh đã đồng nghiệp thì không thể thấy những cái khác với nghiệp mình được.

Song tuy không thể thấy khác, nhưng những sự sự vật vật bị thấy nghe hay biết đó đều do cái thể-lực của nghiệp mình chi-phối, nên hóa ra như vậy mà thôi; cũng như lấy thước tây đo cây vải thì cây vải chỉ có 18 thước, chứ số 18 kia đâu phải là số nhất định. Nếu chúng ta thoát ly được cái hiện-nghiệp như một người cắt cái gương đỏ đi rồi thì chúng ta sẽ biết sự sự vật vật giữa này lớn không thể nói là lớn, nhỏ không thể nói là nhỏ, nóng không thể nói là nóng, lạnh không thể nói là lạnh, vãn vãn, chỉ vì sự chi-phối của nghiệp-lực nên in tưởng có lớn, có nhỏ, có nóng, có lạnh, đó thôi. Vậy hiện nay chúng ta thấy cảnh-giới nghiệp người là do thể-lực của nghiệp-nhơn đời trước đã tạo thành vậy.

3) Ngã chấp Thể-lực

Lại các loài hữu tình chấp cái thân này là cái ta, hoặc chấp cái tánh phân biệt là cái ta, không rõ cái ngã chỉ là giả-danh nên gọi là ngã-chấp. Hiện như sắc thân chúng ta đây do các vật chất giả-hiệp mà thành, vật chất trong thân chúng ta thay đổi mãi mãi, chất nước không phải là thân, chất vôi không phải là thân, chất đạm không phải là thân, phải liên hiệp nhiều cái lại mới hóa ra in tưởng có thân. Cái thân ấy đã do nhiều cái hiệp lại, thì cũng không khác chi một bộ cờ do nhiều quân cờ hiệp lại, chỉ có danh mà không có thiệt.

Còn như nói tánh hay biết là ngã, thì tánh hay biết chỉ hay biết vật khác chứ không thể tự hay biết cái tướng của mình; vậy thì làm sao còn biết được cái ngã. Nếu không thể biết được cái ngã mà cứ nói là có ngã thì lối nói như vậy là lối vô-đoán, không hiệp chánh lý. Nếu như biết được cái ngã thì cái ngã về phần sở-tri thuộc về những món bị biết chứ không phải là tánh năng-tri, là tánh hay biết nữa. Thế mà tất cả chúng sanh thường thường cứ chấp có ngã, có ngã thân, có ngã cảnh, rồi do nơi chấp ngã mà ưa cái ngã, quý trọng cái ngã, đối với cái ngã thì thân, đối với cái không phải ngã thì sợ, thành ra có các món phiền não làm cho phải chịu trăm điều khổ-sở.

Ngã chấp có thể chia ra hai phần là: Cu sanh ngã chấp và phân biệt ngã chấp.

Cu-sanh ngã chấp là cái lòng chấp ngã thắm thắm bề trong phát sanh ra một lần với thân-thể, như đứa con ở trong thai cũng đã biết máy biết đạp, mới sanh ra mà đã biết bú biết ăn, vân vân.

Còn phân biệt ngã chấp là lối chấp ngã rất thô thiển dễ thấy dễ biết, như người đời chấp thân-thể thể này là mình, hoặc mình là ông họ bà kia, tên họ là gì, làng xã ở đâu vân vân. Lại có người vì theo các ngoại đạo chấp cái linh-lôn là ngã, hoặc vì theo tà-thuyết chấp cái diên-tử là ngã, những lối chấp ngã như vậy đều thuộc về Phân-biệt ngã chấp. Vì có ngã chấp, nên trong thế-gian thường chấp có gia-tộc của ta, làng xóm của ta, giai cấp của ta, quốc gia của ta, phát sanh ra những lối thân ái chồ này, ghét bỏ chồ kia, đến nỗi làng này làng khác kiện nhau, nước này nước khác đánh nhau, giai cấp này giai cấp khác tranh dành quyền lợi với nhau, gây ra làm đều tai hại. Lại cũng vì ngã chấp mà cái gì hiệp với thân-thể thì chúng sanh ưa, cái gì trái với thân-thể thì chúng sanh ghét, chồ nào ưa thì tham cầu, chồ nào ghét thì xua đuổi, đua nhau trên đường danh lợi, gây những nghiệp dữ đến nỗi về sau phải chịu những quả báo khổ sở.

Thế thì biết chúng sanh gây các nghiệp dữ phiền não đều do ngã chấp thế-lực.

Thưa quý ngài, từ trước đến nay chúng tôi đã giảng giải sơ lược về ba món thế lực rất trọng yếu đã chuyển biến tạo thành cái hiện trạng của thế-gian ngày nay. Như chúng ta thấy có cân có cánh, có sắc có không, có lành có dữ, có sanh, có diệt, có ngộ có mê là vì danh-ngôn thế-lực. Như chúng ta hưởng thụ cảnh nghiệp người, chấp loài người là đồng loại, loài khác là dị loại cho đến tùy theo nghiệp người thấy lớn thấy nhỏ, thấy cứng thấy mềm, thấy nóng thấy lạnh, thấy thơm thấy thúi vân vân, đều do nghiệp-thế-lực mà phát sanh ra cả. Lại trong nghiệp người, chúng ta chia ra thân thể của ta của cải của ta, gia-tộc của ta, quốc gia của ta vân vân, chia như vậy đều là vì ngã-chấp thế-lực.

Nay chúng ta đã biết thế-gian do ba món thế-lực ấy gây nên, trừ các thế-lực kia, thế-gian chỉ là giả danh như huyền như hóa không có thiệt thể, thì đối với sự sự vật vật giữa thế-gian, chúng ta phải quyết định nhận là giả dối, không thấy gì đáng tham, không thấy cái gì đáng ghét, cho đến tuy in tuồng có sống chết mà thiệt ra chúng ta không thấy cái gì đáng gọi là sống chết.

Lại vì chúng ta biết toàn thể thế-gian do ba cái thế lực ấy gây nên như huyền như hoá, và ba cái thế lực ấy không thể rời thức tâm của chúng ta, nên chúng ta phải phát đại bồ-đề tâm, quyết chí cải tạo thức-tâm cho hoàn thiện, đổi cái ngã-chấp thế-lực thành vô-ngã thế-lực, đổi cái nghiệp thế lực thành tứ-bi thế-lực, đổi cái danh-ngôn thế-lực thành trí thế-lực, đem ba cái thế-lực mà hóa-độ quần-sanh thì một ngày kia cõi thế-giới ác-trược này sẽ nhờ ba món ấy chuyển biến thành ra thế-giới cực-lạc. Như vậy mới gọi là chơn-chánh Phật tử, như vậy mới gọi là trang-nghiêm Phật độ.



Ý kiến phụ nữ

ĐỐI VỚI PHẬT HỌC

MÊ TÍN VÀ CHÁNH TÍN

Chữ tín nghĩa là tin ; đối với một sự gì hoặc một lý gì, mà mình tưởng là phải là đúng, mình quyết tin theo không dự gì thì gọi là tin.

Tùy chỗ phán đoán của các hạng người, mà sự tin có thể chia ra hai phần là mê-tín và chánh-tín.

Như khi nghe người nói không suy xét chiêm nghiệm cho kỹ, bâng nơi miệng người hoặc nơi các trừu-tượng mà tin những sự lý mờ hồ thì gọi là mê-tín. Trái lại, tin nơi sự lý xác thiết sau khi suy xét kinh-nghiệm rõ ràng thì gọi là chánh-tín.

Lỗi phát-sanh tín-tâm lại có hai cách : một là do nơi ý người mà phát-sanh tín-tâm, nghĩa là do nơi ý-tưởng của người khác dễ xướng mà tự mình tin theo chứ không suy nghiệm ; hai là nơi tự lực mình, nghĩa là đối với các lý-thuyết, mình có suy-xét có kinh-nghiệm, phân-biệt chỗ tà chỗ chánh rồi mới chịu tin theo. Lỗi phát tín-tâm thứ nhất là về lỗi tin mù, dễ lạc về mê-tín ; duy có lỗi phát-tâm thứ hai, nghĩa là lỗi phát tín-tâm sau khi suy xét chiêm-nghiệm thì mới có thể tránh khỏi các sự lầm lạc. Vậy cho nên mỗi khi

ta nghe một lý thuyết gì, ta chớ vội tin càng theo ; ta cần phải xét đoán cho tình tường, suy nghĩ cho minh-bạch, so sánh đều hơn lẽ phải, cân nhắc chỗ hay chỗ dở, chỗ thiệt chỗ hư, chiêm-nghiệm nơi sự thật hiện tại, coi có đúng không, rồi mới nên tin ; ta nên thận trọng về sự tin-ngưỡng như vậy thời mới khỏi bị các cái tưởng-tượng lường gạt, các cái giả danh chi-phối và mới khỏi tin những điều sai lầm, được sự tin-ngưỡng chơn-chánh.

Đại phạm ra làm việc gì, hễ mê-lắm thì tất nhiên phải chịu trảm đều vất vả. Như trong thế-gian, những người mê lắm theo cờ bạc rượu chè, theo những lối hung bạo dữ dằn, trộm cắp láo khoét thì khó bề tránh khỏi nghèo nàn khổ sở. Trái lại, những việc làm chánh đáng, có lợi ích cho mình và cho kẻ khác, như giữ lòng nhưn nghĩa, làm việc từ-thiện thì tất nhiên sẽ được hưởng nhiều đều hạnh phúc. Vậy chúng ta cũng nên xét cho rõ các sự tin-ngưỡng giữa đời để cho sự tin-ngưỡng của chúng ta được chánh đáng, có thể đào-tạo hạnh-phúc cho chúng ta về sau.

Xét về Thần-giáo thì sự tin-ngưỡng Thần-giáo vẫn phức-tạp lắm, song chúng ta có thể tóm lại làm hai bộ phận là đa-thần-giáo (tin nhiều ông thần) và nhất-thần-giáo (tin một ông thần).

Lối tin đa-thần là lối tin vạn sự vạn vật giữa đời này, sự gì vật gì đều có ông thần chủ-trương, như gió thì có ông thần gió, lửa thì có ông thần lửa, cây thì có ông thần cây, vân vân. Lối tin đa-thần thường cho rằng muốn sự muốn vật đều có thần chủ-trương sai khiến, cho nên làm đến việc gì, họ cũng phải cúng cấp ông thần về việc ấy : như các người Mườn, Mán, mỗi khi làm ruộng, muốn cho được mùa thì hết sức cúng vái với ông thần lúa ; đến khi rui mất mùa thì lại đổ tội là vì làm mất lòng ông thần lúa nên ông ghét làm cho mất mùa. Trong xứ ta tuy không đến nỗi tin có ông thần lúa, ông thần bắp, nhưng cũng còn lắm người bị chầy nhà thì lo cúng cấp bà Hỏa, đi buôn bán thì lo cúng

cấp ông thần Tài ; những lối tin như vậy đều là lối tin đa-thần. Vì cái lòng tin-ngưỡng của nhiều người mà làm khi các ông thần ấy cũng lên đồng lên bóng, giáng thơ giáng bút đề giao-thiệp với họ ; song xét ra cho kỹ thì các sự ấy vẫn không ngoài lòng tin-ngưỡng của nhơn-loại, vì ông thần của một xứ không biết chữ nho thì làm thơ chữ nho hết sức dở, ông thần trong một xứ không ai thông chữ pháp thì viết chữ pháp như con nít sơ-học.

Những lối tin đa-thần như vậy đều vì lòng lo sợ, lòng mưu cầu, đứng trước những công việc khó khăn mới phát khởi ra ; chứ không chi khác.

Trong xứ ta lại có các vị thần có công nghiệp, có lịch sử, phần nhiều là các bậc vi-nhân đời trước như ngài Trần-Hung-Đạo, ngài Quan-Công. Những hạng người như vậy, dầu ở xứ nào, cũng nên sùng-bái ; song sùng-bái là sùng-bái cái lòng trung-nghĩa, cái chí anh-hùng của các bậc ấy chứ không nên bày ra những việc đánh quỷ trừ ma, nó chỉ làm cho các ngài trở thành tay sai của những thầy phù-thủy.

Còn về nhứt-thần-giáo thì họ lại tin có một vị thượng-đế tạo ra thế-giới, sanh ra vạn vật và làm chủ thưởng phạt các sự tội phúc. Họ tin như vậy là vì họ chưa xét giữa đời không bao giờ một vật gì bỗng dưng sanh ra được vật khác.

Lại còn có người tin về lý số, về sao hạn, tin bói khoa, tin địa-lý, nhiều lối tin rất phức-tạp không thể kể xiết. Vậy nay chúng ta hãy xét đi xét lại các lối tin ấy một lần nữa để cho rõ là mê-tín hay chánh-tín.

Trước khi bàn về thần-giáo, tôi xin giải nghĩa chữ thần. Theo chỗ hiểu thông thường ở xứ ta thì các vị thần, thánh là các vị đặc biệt hơn người, phần nhiều có những tánh cách phi thường mà ít ai sánh kịp. Vì vậy nên mỗi khi có một bậc làm những công nghiệp siêu-quần xuất chúng thì đến khi chết, bậc ấy được nhà vua phong làm thần, thánh, buộc trong dân-gian đều phải thờ tự. Vậy các vị thần lẽ

phải có những tài năng và những đức tánh hơn người. Thế mà trong xứ ta, những người tin đa-thần phần nhiều không lo trau dồi đức tánh, chỉ lo cầu vãi cúng cấp mấy ông thần mà thôi. Họ không biết ở giữa đời, dầu những bậc tầm thường còn biết yêu mến kẻ phải, hành phạt kẻ quấy, hướng chỉ những bậc đã gọi là siêu-quần xuất chúng mà còn chịu lãnh đồ cúng cấp, binh vực những kẻ tội lỗi hay sao? Xét ra thì dầu những người tội lỗi có kêu cầu bao nhiêu, các vị thần cũng không lẽ giúp người bậy, bỏ người phải, giúp người hung dữ, bỏ kẻ lương thiện. Vì vậy nên ai đã muốn được thần thánh ủng hộ thì cốt phải thể theo tâm tánh chơn chánh của các vị thần thánh mà ăn ở giữa đời, không làm những việc thương luân bại lý, trên thì trung với vua, nước, hiếu với cha mẹ, dưới thì thương kẻ cô hàng, giúp người đói khát, sửa tâm tánh cho chơn-chánh, cho nhơn-tử, mà làm việc phước đức thì chẳng những các vị thần phải ủng-hộ mà có lẽ về sau cũng được phong làm thần nữa. Trái lại, nếu ăn ở bất-nhơn, thất-đức, không thực-thà ngay thẳng, chỉ đem lễ vật cúng quảy cho nhiều, in tuồng như các vị thần sẽ ăn đồ hối-lộ của mình mà giúp đỡ cho thì thiệt là làm nhẹ thể mấy ông thần, khinh miệt các ông thần, chỉ càng thêm tội lỗi chớ không lúc nào được chư thần giúp đỡ. Nếu lỡ ra có phạm đều tội lỗi, thì phải gắng sức ăn năn chừa lỗi, làm các việc phải, mới có thể đứng ra đối với thần thánh, chớ không nên nhắm mắt làm càng, chỉ có tai hại mà không được lợi ích.

Còn nhất-thần-giáo là lối tin-ngưỡng của nhiều tôn-giáo hiện thời; lối tin-ngưỡng này là một lối tiên-bộ của đa-thần-giáo. Loài người trong lúc các học-thuyết chưa mở mang, chẳng biết họa phúc từ đâu, gặp cái gì là sợ cái nấy, nên thấy sấm sét thì sợ mà đặt ra ông Lôi-công, thấy nhà cháy thì sợ mà đặt ra bà Hỏa-tinh thần-nữ. Về sau quân-chủ thành-lập, các tù-trưởng đều ở dưới quyền quốc-vương thì trên các vị thần lại đặt ra một ông thần để làm chủ-tề gọi là Chúa-trời, là Ngọc-hoàng, là Thượng-đế nhơn đó mà phát sanh ra nhất-thần-giáo.

Về phần sự-tướng thì nhất-thần-giáo cũng có đều hay, vì đã đặt trên những bậc có quyền thế, như quốc-vương, công-hầu, một vị Thượng-đế cai trị, xem xét các bậc ấy, để cho họ khỏi lạm dụng quyền thế, làm những việc bất công tồn đức. Trong các nhất-thần-giáo, nhất-thần-giáo nào cũng đều tin có một vị như vậy cả. Ngặt vì vị Thượng-đế là trừu tượng, chưa dễ trực tiếp thiết thiết với nhơn sanh, nên các nhất-thần-giáo phải đặt các ông thầy, mà ông thầy lớn nhất thì làm Đại-biêu cho Thượng-đế. Các ông thầy ấy muốn giữ oai quyền về mình, thường dạy nhơn-gian phải đặt sự trung-thành với Thượng-đế trên các vị trung thành khác, đến khi sự tin ngưỡng nhất-thần-giáo đã lan khắp dân-gian rồi, thì thế lực trong nước đều về tay ông Đại-biêu của Thượng-đế, và các quốc vương công hầu đều phải theo mạng-lệnh của ông ấy cả.

Sự xung đột của lợi quyền quân-quốc và lợi quyền giáo đoàn trên lịch-sử đời trung-cổ làm cho chúng ta thấy rõ cái lợi-hại của nhất-thần-giáo về mặt sự-tướng. Còn về mặt lý-thuyết thì người đời tin có những ông Thượng-đế. Tạo-hóa v. v. đều vì chưa xét rõ nguồn gốc sanh diệt của vũ trụ, thấy sự biến đổi của vạn vật mà nghĩ là ác có một vị thần chủ-tướng; đó là vì người đời khi chưa đủ trí lực tìm nguồn gốc của sự sự vật vật, đứng trước sự mâu nhiệm ấy, phải đặt ra những thuyết nhất-thần để tự giải quyết chỗ đó mà thôi. Phái ấy nghĩ rằng chúng ta sở dĩ có thân ra đây là nhờ cha mẹ sanh ra, thì vạn vật át cũng phải do một vị Thượng-đế sanh ra. Nhưng nếu phái ấy xét kỹ thì họ phải nhận rằng cha mẹ là hai người chứ không phải là một, lại cha mẹ cần phải gặp đủ các trường hợp mới sanh được con cái; vậy nếu vị Thượng-đế cần phải có kẻ khác và phải có các trường hợp như cha mẹ mới sanh ra các vật, thì trước khi vị ấy sanh ra đã phải có nhiều vật khác rồi mới phải? Mà nếu trước kia đã có nhiều vật khác rồi, thì không thể gọi rằng vị ấy sanh ra tất cả các vật. Lại cha mẹ có ngày phải tạ thế, những vật gì có tính cách sanh ra vật khác về sau đều phải tiêu diệt, vậy cái vị

sanh ra các vật kia đâu có thể được tồn-tại mãi mãi. Đến như về lỗi thường phạt, thì ai ai đều có thể nhận được những chỗ độc-đoán, chưa đúng với công-lý.

Nói như vậy chắc có người trách rằng thiếu sự tôn-kính đối với Thượng-đế ; nhưng tôi xin ví dụ như sau này :

Ví như trong nước Mỹ xưa nay chưa có Vua, có người phỉnh gạt người dân nước Mỹ rằng nước Mỹ có vua và chính tôi là thủ hạ của ông vua ấy, thì người dân Mỹ có nên tin không ? Nếu người dân Mỹ kia bác rằng nước mình chưa hề có vua thì có thể gọi người dân ấy là thiếu sự tôn kính không ?

Nếu không thì chúng ta cũng nên xét rõ những bậc Thượng-đế đều là do cái lý thuyết tưởng tượng tạo thành, chứ không phải là thiết có.

(còn nữa)

D. K.

CÙNG CÁC BẠN ĐỘC - GIẢ VIÊN - ẨM

Hiện nay Tòa soạn chúng tôi thiếu những số sau này, nếu Ngài nào dư hoặc không đủ cả 24 số mà muốn để lại cho Tòa soạn chúng tôi thì xin cứ gửi cho Tòa soạn chúng tôi, về các số thiếu như sau này : 3, 4, 5, 6, rất nhiều người hỏi mua mà chúng tôi không có.

Giá tiền các số cũ, hoặc xin trả phần nửa hoặc xin đòi các số báo mới các ngài đọc.

Xin quý vị độc giả sẵn lòng cò động cho VIÊN-ẨM được nhiều người đọc, ấy là độc giả đã làm một việc Phật sự và gánh vác một vai hoàng pháp đó vậy.

Ngài nào giới thiệu được 5 người mua năm, bản báo xin biếu không một năm VIÊN-ẨM khỏi trả tiền.

NAM MÔ HỘ PHÁP BỒ TÁT, MA HA TÁT.

T. B. Nếu ngài nào nhận số 27 rồi mà không trả lại thời bản sau xin kê vào sổ độc-giả đã giúp cho VIÊN-ẨM về sự hoàng pháp lợi sanh.

Bức thư vắn tắt gửi các nhà Nhân-dân Đại-Biểu Trung-Kỳ

Kính các ngài nhân-dân Đại-biểu xứ Trung-Kỳ.

Chắc các ngài đã rõ cái tôn-chỉ của Hội Phật-Học Annam là cải-chinh nhơn-tâm.

Các ngài là Đại-biểu dân, lẽ các ngài đã rõ thấu nhơn-tâm được ít nhiều, vậy nay sắp đến kỳ Đại-Hội, chúng tôi xin cùng các ngài bàn về vấn-đề : **“Xã-hội nhơn-tâm tấn hóa”**, mong các ngài vui lòng mà đề ý cho.

Trước hết tôi xin phép các ngài nhắc lại nghĩa hai chữ **“Xã-hội”**. Xã-hội là một đoàn-thể chung tất cả phần đông tạo thành mỗi một người sống trên mặt đất này đều phải có cái quang-hệ mật thiết đối với xã-hội. Chúng ta biết rằng : sự sống của mỗi người tất phải nhờ phần đông mới sống được, xem ngay như sự nhứt đặng của chúng ta, toàn phải nhờ phần đông người làm ra mới đủ cung cấp cho ta vậy. Xét thấu nguồn gốc thời ta rõ ràng ta cùng xã-hội đều không thể rời nhau, vậy cho nên tư-tưởng của một người, dù hay dù dở, cũng có ảnh-hưởng đối với xã-hội, mà tinh-thần xã-hội dù tốt dù xấu, ta đều chịu ảnh-hưởng đấy ; cũng như đánh một luồng điện ra giữa hư-không, thời các luồng điện khác đều chịu ảnh-hưởng mà rung động cả. Nhưng sở dĩ chúng ta không thấy ảnh-hưởng đó là vì sự biến-động đó rất nhỏ nhiệm mà thôi.

Nay chúng ta đã biết cá nhân không rời xã-hội, xã-hội là do nhiều cá-nhân tạo-thành, thì cá-nhân có được hoàn-toàn, xã-hội mới trông có ngày tốt đẹp.

Song sự hoàn toàn hay không của cá-nhân là do nơi nhơn-tâm, vì nhơn-tâm là chủ chốt của cá-nhân. Nhơn-tâm chánh thì muôn sự đều chánh, nhơn-tâm điên đảo thì muôn sự đều điên-đảo, có biết được cội gốc nhơn-tâm và do gốc ấy mà vun trồng, mà cải-tạo, thời mới mong có ngày lá xanh ngành tốt, hoa đẹp quả tươi vậy.

Muốn xét cội gốc nhơn-tâm, trước phải xét nhơn tâm là chi ? Nhơn-tâm tức là cái thấy, nghe, hay, biết của người, mà các

cái thấy, nghe, hay, biết ấy tất phải có cội gốc mới sanh ra ; nay muốn cải-tạo nhơn-tâm, ta cần phải tìm ở nơi gốc, cần phải tra xét nghiên-cứu nơi gốc vậy.

Cội gốc ấy, chính là tâm-tánh ta đã vì sự luân-luyện hằng ngày của các cái thấy, nghe, hay biết mà chuyển biến. Cội gốc ấy khác nào như một cái kho chứa, hễ chứa giống thiện thời sau làm được các việc thiện, chứa giống ác thì tạo ra những điều dữ. Như trong sách nhỏ có nói “ *Tánh tương cận, tập tương viễn* ” ; tánh người vốn chẳng xa nhau, chỉ vì tập nhiễm nên sanh ra sai khác. Ai cũng biết trong tâm chúng ta đủ hai tánh thiện, ác ; thiện tức lương-tâm theo cái sự phải, ác tức là dục vọng theo các điều quấy. Lòng thiện ai ai cũng đều có, nhưng vì tập-tục theo dục-vọng nên mới xa cái lòng thiện ấy đi và tạo nên trăm ngàn tội lỗi.

Xét như vậy thì biết người đời thường hay xa các điều thiện mà gần các điều ác, là vì tập-quán của xác thịt và của xã-hội, nó làm cho họ xa cái tánh thiện vậy.

Nay ta đã biết các cái ác-tập đó làm cho ta xa tánh thiện kia, thời ta cần phải mở mang các điều thiện để luân-luyện nhơn-tâm, trau dồi đức-tánh, đến khi tâm tánh của đại đa số đều thuần thiện thời các thiện-sự mới hoàn thành và xã-hội mới tấn-hóa được.

Thưa các ngài, công vụ các ngài chính là mở mang dân-kế cho xã-hội, nay chúng tôi đem vấn-đề nhơn tâm mà bàn cùng các ngài, e không hiệp chăng ?

Thưa không ! Các ngài lo mở mang đường sanh-kế cho nhơn-dân, mà chúng tôi cũng lo việc mở mang dân-trí, mong đem nhơn-sanh lên đường tiến-hóa, thể thời công-vụ của các ngài và mục-dịch của chúng tôi không khác gì nhau và có thể tương thành cùng nhau. Các ngài là bậc tài mât, tri-thức của xã-hội, gánh vác việc của nhơn-dân, mong rằng các ngài sẽ vì nghĩa-vụ tán thành cho các công việc bồi-bổ nhơn-tâm của chúng tôi đang cho xã hội chúng ta sau này được tấn-hóa một cách mỹ-mãn.

Chúng tôi rất trông mong.

Một người Hội-viên Phật-Học kính bạch.

ĐẠI-Ý KINH
THỦ LĂNG - NGHIÊM

**Phật tóm chỉ các Pháp tướng đều là giả dối,
thiệt ra chỉ là Như-lai-tạng tánh**

3) *Phật chỉ bản-tánh của thập-nhị xứ là
Như-lai-tạng-tánh*
(tiếp theo)

Lại như khi chúng ta ăn uống, lãnh nấp các vị, vị ngọt, vị chua, vị cay, vị đắng vân vân, thì các vị đó do thiệt-căn sanh ra hay do nơi hư-không mà sanh ra. Nếu do thiệt-căn sanh ra thì thiệt-căn chỉ có một, không thể sanh dạng nhiều vị. Vậy nếu khi ăn đường, thiệt-căn đã hóa ra cái vị ngọt, đến khi ăn gặp hột muối, lẽ ra thiệt-căn không thể đổi ra vị mặn. Song nếu chỉ một vị không thay đổi thì không phải thiệt-căn, vì không biết đủ các vị; còn như nếu mặn cũng biết, ngọt cũng biết, thì cái thiệt-căn là một, làm sao sanh ra nhiều vị cho dạng.

Như nếu các vị do đồ ăn sanh ra thì đồ ăn không có tánh biết, làm sao tự biết được mình có vị này vị khác; lại đâu cho tự biết đi nữa cũng chỉ như thiệt-căn của kẻ khác, nào định dựa gì đến sự biết vị của mình.

Còn như nói do hư-không sanh ra, thì hư-không không phải nhiều thể, làm sao sanh được nhiều vị. Lại chúng ta ở trong hư-không như cá biển, ở trong nước biển, thường thường tiếp xúc với hư-không mãi, thì đâu hư-không có cái vị gì đi nữa, chúng ta cũng không thể biết dạng. Vậy thì biết cái thiệt-căn và cái vị đều không có sanh-xứ, đều là giả dối, không phải nhưn-duyên-sanh, không phải tánh tự nhiên, thiệt ra chỉ là tánh diệu-chơn-như của Như-lai-tạng.

Lại như chúng ta lấy tay sờ đầu; trong sự biết sờ như vậy, lấy cái chi làm năng, lấy cái chi làm sở? Nếu lấy cái tay làm năng thì cái đầu hóa ra không biết, nếu lấy cái đầu làm năng thì cái tay hóa ra không biết; mà nếu như hai cái đều biết

cả, thì nơi thân chúng ta, lại hóa ra có hai cái tánh biết, vậy cái tánh biết nào mới thiệt là tánh biết của ta?

Lại như đầu vò tay đồng một thể thì không có năng, không có sở; đã không năng không sở thì còn cái gì đáng gọi là xúc. Còn như không phải đồng một thể thì cái gì là năng, cái gì là sở; lại nếu hai chỗ đều là năng thì lấy gì làm sở, hai chỗ đều là sở thì lấy gì làm năng, không lẽ tự nhiên mà hóa ra có xúc.

Xét như vậy thì biết năng-xúc và sở-xúc đều là lưỡng đối, vốn không có sanh-xứ, thiệt ra đều là diệu-chơn-như-tánh.

Lại như trong ý chúng ta biết đều thiện đều ác, chỗ chánh chỗ tà, vật này vật khác, cái có cái không, những cái pháp lành dữ, thiện ác chánh tà kia tức nơi tâm chúng ta sanh ra hay là riêng có phương-sở ngoài tâm chúng ta. Nếu như tức nơi tâm chúng ta sanh ra thì các pháp kia đều về phần tâm, nghĩa là về phần năng-tri, chớ chẳng phải về phần sở-tri; mà đã không phải về phần sở-tri thì còn biết nương vào đâu mà lập thành xứ-sở.

Còn như các pháp riêng có phương-sở ngoài tâm chúng ta, thì các pháp ấy có tánh biết hay không tánh biết. Nếu có tánh biết và không phải tâm chúng ta, thì các pháp-trần ấy cũng ý như tâm của người khác, chớ đâu phải trần-cảnh của chúng ta. Còn như các pháp-trần có tánh biết và cũng tức là tâm của chúng ta thì làm sao cái tâm chúng ta lại hóa ra nhiều thể?

Còn như các pháp-trần kia không có tánh biết thì trong các cảnh-vật hiện tại, nào có cái gì là pháp-trần đâu! Nơi hiện cảnh đã không có pháp-trần, thì pháp-trần không phải món sở-duyên của tâm; đã không phải là món sở-duyên của tâm thì nương vào đâu mà lập ra xứ-sở.

Xét như vậy thì biết ý can và pháp-trần đều là giả đối, không phải non-duyên-sanh, không phải tánh tự nhiên, thiệt ra chỉ là tánh diệu-chơn-như của Như-lai-tạng.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM



Kinh điển âm

THỦ - LĂNG - NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(TỤC)

Phục thứ, A-Nan: vân hà thập bát giới bốn như-lai-tạng diêu chơn-như-tánh. A-Nan, như như sở minh, nhân-sắc vi duyên, sanh tr nhân, thữ thữ thữ vi phục nơn nhân sở sanh, dĩ nhân vi giới, nơn sắc sở sanh, dĩ sắc vi giới.

A-Nan, nhược nơn nhân sanh, kỹ vô sắc không, vô khả phân biệt, tủng hữu như thữ, dục tương hà dụng? như kiền hựu phi, thanh hoàng sịch bạch, vô sở biểu thị, tủng hà lập giới?

Nhược nơn sắc sanh, không vô sắc thời, như thữ ưng diệt, vân hà thữ trí, thị hư-không tánh? nhược sắc biến thời, như diệt thữ kỹ, sắc tương thiên biến, như thữ bất thiên giới tủng hà lập? tủng biến tác biến, giới tương tự vô, bất biến tác hằng, kỹ tủng sắc sanh, ưng bất thữ trí, hư-không sở tại.

Nhược kiem nhị chủng, nhân sắc cộng sanh, hiệp tác trung lý, lý tác lưỡng hiệp, thể tánh tạp loạn, vân hà thành giới?

Thị cố đương trí, nhân sắc vi duyên, sanh nhân thữ giới, tam xứ đô vô, tác nhân dữ sắc, cập sắc giới tam, bốn phi nơn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-Nan : hựu như sở minh, nhĩ thanh vi duyên, sanh ư nhĩ thức, thủ thức vi phục, nhưn nhĩ sở sanh, dĩ nhĩ vi giới, nhưn thanh sở sanh, dĩ thanh vi giới ? A-Nan : nhược nhưn nhĩ sanh, động tịnh nhị tướng, kỳ bất hiện tiền, căn bất thành tri, tất vô sở tri, tri thượng vô thành, thức hà hình mạo ?

Nhợc thủ nhĩ văn, vô động tịnh cố, văn vô sở thành, văn hà nhĩ hình, tập sắc súc trần, danh vi thức giới, tác nhĩ thức giới, phục tùng thù lập ?

Nhợc sanh ư thanh, thức nhưn thanh hữu, tác bất quan văn, vô văn tác vong, thanh tướng sở tại, thức tùng thanh sanh, hứa thanh nhưn văn, nhĩ hữu thanh tướng, văn ứng văn thức, bất văn phi giới, văn tác đồng thanh, thức di bị văn, thù tri văn thức ? nhược vô tri giả, chung như thảo mộc, bất ứng thanh-văn, tập thành trung giới, giới vô trung vị, tác nội ngoại tướng phục tùng hà thành ?

Thị cố đương tri, nhĩ thanh vi duyên, sanh nhĩ thức giới, tam xứ đô vô, tác nhĩ dữ thanh, cập thanh giới tam, bèn phi nhưn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-Nan : hựu như sở minh, tỉ hương vi duyên, sanh ư tỉ thức, thủ thức vi phục, nhưn tỉ sở sanh, dĩ tỉ vi giới, nhưn hương sở sanh, dĩ hương vi giới ? A-Nan : nhược nhưn tỉ sanh, tác như tâm trung, dĩ hà vi tỉ, vi thủ nhục hình, song trào chi tướng, vi thủ hữu trí, động điều chi tánh ?

Nhợc thủ nhục hình, nhục chất nải thân thân, tri tức xúc, danh thân phi tỉ, danh xúc tức trần, tỉ thượng vô danh, văn hà lập giới ?

Nhợc thủ hữu trí, hựu như tâm trung, dĩ hà vi trí, dĩ nhục vi trí, tác nhục chi trí, nguyên xúc phi tỉ, dĩ không vi trí, không tác tự tri, nhục ứng phi giác, như thị tác ứng, hư không thị như, như thần phi trí, kim nhật A-Nan, ứng vô sở tại dĩ hương, vi trí, trí tự thuộc hương, hà dự ư như, nhược hương xú khí, tất sanh như tỉ, tác bỉ hương xú, nhị chủng lưu khí, bất sanh ỷ lang, cập chiền đàn mộc nhị vật bất lai, như tự hữu tỉ, vi hương vi xú, xú tác phi hương, hương ứng phi xú.

Nhược hương xú nhị, cu năng văn giả, tác như nhưt
nhơn, ưng hữu lưỡng tỉ, đối ngã văn đạo, hữu nhị A-Nan,
thùy vi như thể ? nhược tỉ thị nhưt, hương xú vô nhị, xú
kỷ vi hương, hương phục thành xú, nhị tánh bất hữu, giới
tùng thùy lập ?

Nhược nhơn hương sanh, thực nhơn hương hữu, như
nhân hữu kiến, bất năng quán nhân, nhơn hương hữu cố,
ưng bất tri hương, tri tức phi sanh, bất tri phi thực, hương
phi tri hữu, hương giới bất thành, thực bất tri hương,
nhơn giới tác phi, tùng hương kiến lập.

Kỷ vô trung gian, bất thành nội ngoại, bi chư văn tánh,
tất kính hư vọng, thị cố đương tri, tỉ hương vi duyên,
sanh tỉ thực giới, tam xứ đó vô, tác tỉ dữ hương, cập
hương giới tam, bổn phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.



經

楞

嚴經

續

復次阿難云何十八界本如
 來藏妙真如性。阿難如汝所明
 眼色為緣生於眼識。此識為復
 因眼所生以眼為界。因色所生
 以色為界。阿難若因眼生既無
 色空無可分別。縱有汝識欲將
 何用汝見。又非青黃赤白無所
 表示。從何立界。

若因色生空無色時
 汝識應滅云何識知其立。從色
 若汝識遷界不變。則恆既從色
 界相不自識知。虛空所在
 應不識知。兼二種眼

應身爲臭流不非
肉汝香香二種物則
知汝以若二二臭
自是在汝臭沐臭
則空所於香檀爲
空虛無預彼梅香
知應應何則反爲
爲則難香鼻蘭鼻
空是阿屬汝伊鼻
以如今日自生自應
非鼻覺知知必不汝香
非非知知氣氣來香
汝二臭性
汝有二臭二
則有一臭二
者道一臭
聞問是成
能我鼻復
俱對若香
二鼻體香立
有兩汝爲誰
香有爲旣從
應誰臭界
若不能卽界
見香有非
知香有非
則非從香建

諸香鼻自
彼鼻則非
外知無緣
內當都因
成故處非
不妄三本
中間界三
無虛識界
既畢竟鼻
性畢生及
聞爲與然





KINH DIỄN NGHĨA

THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH (Suramgama)

(Tiếp theo)

Lại nữa A-Nan, vì sao bản tánh của thập-bát-giới là tánh diệu chơn như của Như-Lai-tạng.

A-Nan, như chỗ ông rõ, nhân-căn và sắc-trần làm cái duyên, sanh ra nhãn thức; cái thức ấy lại là nhọn nơi nhân căn sanh ra thì lấy nhãn căn làm giới hạn, hay là nhọn nơi sắc trần sanh ra thì lấy sắc trần làm giới hạn.

A-Nan, nếu chỉ nhọn nhãn căn sanh ra thì đã không có sắc không, không thể có sự phân biệt, dầu có cái thức của ông mới đem ra dùng vẽ việc gì. Lại cái nhãn căn (cái thấy) của ông, nếu phi cả các món xanh, vàng, đỏ, trắng thì không thể chỉ bày ra, vậy từ đâu mà lập được giới hạn.

Nếu nhọn cái sắc sanh ra thì khi chỉ thấy hư không, không có sắc, cái thức ông lẽ phải tiêu diệt, làm sao còn biết được là tánh hư không? Nếu khi sắc tướng thay đổi, ông cũng biết sắc tướng thay đổi mà cái thức của ông không thay đổi thì từ đâu lập được giới hạn. Nếu theo sắc tướng mà thay đổi thì cái thức là một cái thay đổi, tự nhiên không thể có giới hạn. Còn nếu không thay đổi thì nhãn thức là một cái thường hằng, vậy nhãn thức đã từ sắc tướng sanh ra, lẽ không biết được hư không là gì. Nếu như gồm cả hai món nhãn căn, sắc trần chung lại sanh ra nhãn thức thì nói rằng hiệp, chặn giữa lại phải ly, nói rằng ly, thời hai bên lại phải hiệp, thế tánh lộn lạo, làm sao thành được giới hạn.

Vậy ông nên biết rằng : nói nhĩ căn, sắc trần làm cái duyên, sanh ra nhĩ thức giới, cả ba chỗ đều không thiệt có và ba cái giới nhĩ căn, sắc trần và nhĩ thức vốn chẳng phải tánh như duyên sanh, chẳng phải tánh tự nhiên.

A-Nan, lại như chỗ ông rõ, nhĩ căn và thanh trần làm cái duyên sanh ra nhĩ thức ; cái thức ấy lại là như nhĩ căn sanh ra thì lấy nhĩ căn làm giới hạn, hay là như thanh trần sanh ra thì lấy thanh trần làm giới hạn.

A-Nan, nếu như nhĩ căn sanh ra, thì hai tướng động và tịnh đã không hiện tiền, cái căn không thể tri-giác ; chắc đã không tri-giác thì cái tri-giác còn không thành-lập dạng, cái thức mới hóa ra hình tướng gì ? Nếu lấy chỗ cái lỗ tai nghe làm giới hạn thì đã không có động tịnh, chính cái nghe không thể thành lập, làm sao hình lỗ tai xe với sắc pháp, chạm với trần cảnh mà gọi được là thức giới, và cái nhĩ-thức-giới lại tự đâu mà lập ra dạng.

Nếu nhĩ thức do thanh trần sanh ra thì cái thức như thanh trần mà có, song đã không dính dựa gì đến cái nghe thì hình cái tướng của thanh trần cũng không thể tồn tại được. Lại như cái thức do thanh trần sanh ra, đầu cho thanh trần như cái nghe mà có cái thanh tướng đi nữa, thì cái nghe phải nghe được cái thức ; nếu không nghe được thì thanh trần không phải là giới hạn của nhĩ thức, còn nếu nghe được thì nhĩ thức đồng như thanh trần ; lại nhĩ thức đã bị nghe, thì cái gì biết nghe cái thức ; còn nếu không biết thì hóa ra như cỏ cây.

Lại không lẽ thanh trần và vãn-căn xen lộn thành ra trung giới.

Cái địa vị trung-trương của nhĩ-thức-giới đã không có, thì cái trường nội-căn, ngoại-trần lại từ đâu mà thành lập cho dạng.

Vậy ông nên biết rằng : nói nhĩ căn và thanh trần làm cái duyên, sanh ra nhĩ-thức-giới, cả ba chỗ ấy đều không thiệt có và cả ba cái giới nhĩ căn, thanh-trần và nhĩ thức vốn chẳng phải tánh như duyên sanh, chẳng phải tánh tự nhiên.

A-Nan, lại như chỗ ông rõ, tĩ-cần và hương-trần làm cái duyên, sanh ra tĩ-thức, cái thức ấy lại là Nhơn tĩ-cần sanh ra thì lấy tĩ-cần làm giới-hạn, hay là Nhơn hương-trần sanh ra thì lấy hương-trần làm giới-hạn.

A-Nan, nếu Nhơn tĩ-cần sanh ra thì trong ý ông lấy cái gì làm tĩ-cần, lại là lấy cái tướng nhục-hình như hai cái móng tay làm tĩ-cần, hay là lấy cái tánh lay động ngũ giác làm tĩ-cần. Nếu lấy cái nhục-hình làm tĩ-cần thì cái chất nhục-hình là thân-cần, chỗ biết của thân-cần là xúc; đã gọi rằng thân-cần thì không phải tĩ-cần, đã gọi rằng xúc thì đó là trần-cảnh của thân-cần; nếu vậy thì còn không cái gì đáng gọi là tĩ-cần, làm sao lập được giới-hạn.

Nếu lấy cái tánh ngũ giác làm tĩ-cần, thì trong ý ông lấy cái chi làm cái biết ngũ giác: nếu lấy cái nhục-chất làm cái biết ngũ giác thì cái mà nhục-chất biết được là xúc-trần chớ không phải như tĩ-cần. Nếu lấy cái hư-không làm cái biết ngũ giác thì cái hư-không tự có biết, còn cái nhục-chất lẽ ra không phải có biết; như vậy, thì lẽ đáng cái hư-không mới thiết là ông. Lại nếu cái thân ông không phải có biết thì hiện nay ông A-Nan biết ở chỗ nào?

Nếu cho cái hương-trần là cái biết ngũ giác, thì cái biết ngũ giác thuộc về hương-trần, nào diều dựa gì nơi ông. Lại nếu các hơi thơm thối chắc do tĩ-cần ông sanh ra thì hai cái hơi bấy ra thơm thối kia không phải sanh nơi cây y-lan và cây chiên-dân; vậy khi không có hai vật ấy, ông tự ngũ giác tĩ-cần của ông là thơm hay là thối; nếu như thối thì không phải thơm, nếu như thơm thì không phải thối; còn như nghe được cả hai mùi thơm thối thì một mình ông lẽ phải có hai tĩ-cần và đứng trước tôi hỏi đạo đây phải có hai ông A-Nan; vậy bên nào mới thiết là cái thể của ông?

Còn như nếu tĩ-cần là một thì cái thơm và cái thối không thể thành hai; cái thối đã hóa ra thơm, cái thơm đã hóa thành thối thì hai tánh đó đều không có; vậy từ đâu mà lập được giới-hạn của tĩ-thức.

Nếu như hương-trần sanh ra thì cái tĩ-thức đã như hương-trần mà có, như con mắt có thấy, không thể thấy được con mắt; vậy cái tĩ-thức đã như hương-trần mà có, lẽ ra không biết được hương-trần. Nếu như biết được thì không phải do hương-trần sanh ra, còn nếu không biết thì không phải là thức. Lại cái hương-trần, nếu không có cái biết, có hương thì không thành được giới-hạn; cái thức nếu không biết hương-trần thì không phải do hương-trần mà lập ra như giới. Đã không có cái tĩ-thức là cái chận giữa thì nội-căn ngoại-trần không thể thành-lập và các tánh ngữi biết kia rốt ráo chỉ là luống dối.

Vậy ông nên biết rằng: nói tĩ-căn và hương-trần làm cái duyên, sanh ra tĩ-thức-giới, cả ba chỗ ấy đều không thiệt có; và ba cái giới tĩ-căn, hương-trần và tĩ-thức, vốn chẳng phải tánh như-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự-nhiên.

(Còn nữa) VIÊN - ÂM





LUẬN

因明八正理論

NHƠN MINH NHẬP CHÁNH LÝ; LUẬN

(tiếp theo)

Dụ hữu nhị chủng : nhưt giả đồng pháp, nhị giả dị pháp.

喻有二種；一者同法，二者異法。

Đồng pháp giả, nhưc ư thị xứ, hiên nhưn đồng phạm quyết định

同法者，若於是處，顯因同品決定

hữu tánh ; vị nhưc sở tác kiến bỉ vô thường, thì như bình đẳng

有性，謂若呵作，見彼無常，譬如瓶筭。

Dị pháp giả, nhưc ư thị xứ, thuyết sở lập vô, nhưn biễn phi

異法者，若於是處，說呵立無，因徧非

hữu ; vị nhưc thị thường, kiến phi sở tác, như hư không đẳng.

有；謂若是常，見非呵作，如虛空等。

Thư trung thường ngôn, biểu phi vô thường, phi sở tác

此中常言，表非無常，非呵作。

ngôn biểu vô sở tác ; như hữu phi hữu, thuyết danh phi hữu.

言表無所依，如有非有說名非有

Dĩ thuyết tôn đấng như thị đa ngôn khai ngộ tha thời,

已說宗等如是多言，開悟他時，

thuyết danh năng lập ; như thuyết thanh vô thường, thị lập tôn

說名能立，如說聲無常，是立宗

ngôn, sở tác tánh cố giả, thị như pháp ngôn ; nhưc thị sở tác

言，所依性故者，是因法言；若是所依

kiến bỉ vô thường, như bình đẳng giả thị tùy đồng phẩm ngôn ;

見彼無常，如瓶等者，是隨同品言；

nhưc thị kỳ thường, kiến phi sở tác, như hư không giả thị

若是其常，見非所依，如虛空者，是

viễn ly ngôn ; duy thử tam phần, thuyết danh năng lập.

遠離言；唯此三分說名能立

GIẢI NGHĨA

1) Dụ hữu nhị chủng : nhưc giả đồng pháp, nhị giả dị pháp. — Nghĩa là : Cái dụ có hai giống : một là cái dụ đồng-pháp, hai là cái dụ dị pháp. — Đã lập tôn chỉ rồi, đã chỉ vì sao mà lập tôn-chỉ như vậy rồi thì cần phải đem những điều-kiện nơi hiện cảnh mà chứng rõ lý-thuyết của mình ; các điều-kiện ấy thì gọi là dụ. Cái dụ trong nhưc-minh cũng in như các đều ví dụ giữa thế-gian để cho người khác hiểu biết : song trong thế-gian chỉ lấy những cái tương tự làm ví dụ, như nói : “ *Nhac như thổi, chặm như rửa* ”, chứ không có lời lẽ đúng đắn để chứng rõ cái lý-thuyết của mình như cái dụ của Nhưc-Minh.

Cái dụ đó có hai phần : một phần về mặt phải, lấy các pháp đủ cả tánh cách của nhưc, của tôn, mà làm ví dụ ; hai là về

mặt trái, lấy các pháp trái hẳn cả hơn cả tôn mà làm ví dụ. Những cái dụ về mặt phải thì gọi là đồng-pháp-dụ; còn những cái dụ về mặt trái thì gọi là dị-pháp-dụ.

2) Đồng-pháp-giã, nhược ư thị xứ, hiển hơn đồng phạm quyết định hữu tánh; vị nhược sở tác, kiến bi vô thường, thí như bình đẳng — Nghĩa là: Cái dụ đồng-pháp là cái dụ mà trong chỗ ấy đã chỉ rõ cái tướng “*đồng-phạm quyết định hữu tánh*” của cái hơn, như nói nếu là sở-tác thì thấy rõ cái kia là vô thường, ví như cái bình v. v. — Cái ví-dụ về mặt phải nghĩa là cái ví-dụ đồng-pháp, cốt để chỉ rõ cái tướng thứ hai của cái hơn, là cái tướng “*đồng-phạm định hữu tánh*”. Như lập cái tôn “*cái tiếng là vô thường*” và cái hơn “*vì có tánh sở tác vậy*” thì trong các môn đồng phạm là các môn vô-thường, cần phải có môn có cái tánh sở-tác nơi cái hơn mới được. Do trong các môn vô-thường có môn có tánh sở tác nên đem các môn ấy ra mà làm cái dụ đồng-pháp để cho người ta biết rằng những cái có tánh sở-tác là vô-thường, như các môn ấy. Cái phạm-vi của đồng-pháp bằng với phạm vi của cái hơn và có thể hẹp hơn phạm-vi của đồng-phạm, vì cần phải có đủ cả tánh vô-thường và tánh sở-tác mới được gọi là đồng-pháp. Song cái phạm-vi của cái hơn trong chọn-năng-lập phải lọt trong cái phạm-vi của đồng-phạm, nên các môn sở-tác quyết định phải có tánh vô-thường cả.

Như đối với cái tôn “*cái tiếng là vô-thường*” và cái hơn “*vì có tánh sở tác vậy*”, thì các môn như cái bình v. v. đã có tánh vô-thường lại có tánh sở-tác đều gọi là đồng-pháp và có thể dụ về mặt phải.

Song muốn chỉ rõ cái quan-hệ của cái hơn đối với cái tôn-pháp thì khi luận lý về cái dụ đồng-pháp, phải để cái hơn ra trước, cái tôn ra sau mới được. Như đối với cái tôn “*cái tiếng là vô-thường*” và cái hơn “*vì có tánh sở-tác vậy*” thì nơi cái dụ đồng-pháp, phải luận lý như vậy: “*cái tiếng là vô-thường, vì có tánh sở-tác vậy, như đã có tánh sở tác thì thấy rõ nó là vô-thường, như cái bình v. v.*” Một đều

cốt yếu là bền dịch cần phải công nhận cái bình là vô-thường và có tánh sở-tác, mới có thể đem cái bình ra mà làm cái dụ đồng-pháp.

3) Dị pháp già, nhược ư thị xứ, thuyết : sở lập vô, nhưn biến phi hữu ; vị nhược thị thường, kiến phi sở-tác, như hư không đấng. — Nghĩa là : Cái dụ dị-pháp là những món mà nơi ấy nói rõ : bề cái tồn sở-lập đã không thời cái nhưn khác đều không phải là có, như nói : nếu cái gì là thường thì thấy rõ nó chẳng phải là sở-tác như hư-không, v. v. . .

Đối với cái tồn “ *cái tiếng là vô thường* ” và cái nhưn “ *vì có tánh sở-tác vậy* ” thì dị-pháp là những món đã không có tánh vô-thường, lại cũng không có tánh sở-tác. Khi lập tồn, lập nhưn một cách đúng đấng (**chơn năng lập**) thì dị-phẩm và dị-pháp là một, vì cái nhưn cần phải có cái tướng “ *dị phẩm biến vô tánh* ”. Muốn chỉ rõ cái tướng dị-phẩm biến vô-tánh ấy thì phải luận lý như vậy : “ *Cái tiếng là vô thường, vì có tánh sở-tác vậy* ”, như đã có tánh sở-tác thì thấy rõ nó là vô-thường, như cái bình v. v. (**đồng pháp**) ; lại như cái gì là thường thì thấy rõ nó không có tánh sở-tác, như hư không v. v. (**dị pháp**) ; trong khi luận lý về dị-pháp phải đề cái tánh thường ra trước, cái tánh sở-tác ra sau, mới rõ ràng minh bạch.

Về hai cái dụ thì cái dụ đồng-pháp cần phải thiết có chứng cứ nơi thiết sự một cách rõ rệt, nói có thì quyết định là có, nói không thì quyết định là không, mới tránh khỏi những sự mờ hồ, còn về cái dụ dị pháp thì chỉ nói lý cho rõ ràng cái nhưn không lạm ra đến các dị-phẩm là đủ, chớ đâu có chứng cứ hay không chứng cứ nơi thật sự, cũng không hại gì.

4) Thữ trung thường ngôn, biểu phi-vô-thường ; phi sở-tác ngôn, biểu vô-sở-tác ; như hữu phi hữu, thuyết danh phi-hữu — Nghĩa là : Trong những câu ấy, nói là thường, chỉ đề tiêu biểu rằng : “ *chẳng phải là vô-thường* ” ; nói là chẳng phải tánh sở-tác, chỉ đề tiêu biểu rằng : “ *không có tánh sở-tác* ” ; những cái in tuông là có mà không

phải thiết có thì gọi là phi-hữu (**không phải thiết có**) — Trong những lời dụ, hễ trái với vô-thường thì nói là thường, trái với sở-tác thì nói là phi-sở-tác; những danh từ **thường** và **phi-sở-tác** là những danh từ đối đãi, để cho bên địch nhận rõ lý thuyết của mình mà thôi; vậy đầu nói là thường, đầu nói là phi-sở-tác, nhưng thiết ra cũng chỉ muốn bày tỏ cái nghĩa rằng các món đó không có cái tánh vô-thường, không có tánh sở-tác theo lối công nhận bên địch, chứ không phải đối với mình quyết định là thường, là phi-sở-tác.

Lại trong lúc luận đến những món đối với thế gian là có, còn đối với chánh lý là không, thì không nên nói hẳn là không, vì nói như vậy thì trái với thường thức ở đời, trong thế gian không thể tin kịp. Đối với những món in tưởng là có mà không phải thiết có thì chỉ nên nói nó là phi-hữu, là không thiết có mà thôi.

5) Di thuyết tôn đấng như thị đa ngôn, khai ngộ tha thời, thuyết danh năng lập. — Nghĩa là: Các lời nói như trên về Tôn thầy, khi khai ngộ người khác thì gọi là năng lập.

Những lời luận lý có tôn, có nhơn, có dụ như trên đã nói, khi đề phá các tà thuyết của bên địch thì gọi là năng phá, còn khi cốt đề cho bên địch nhận chánh lý thì gọi là năng-lập.

6) Như thuyết thanh vô thường, thị lập tôn ngôn; sở tác tánh cố giả, thị nhơn pháp ngôn; nhược thị sở tác kiến bỉ vô thường như bình đẳng giả, thị tùy đồng phẩm ngôn; nhược thị kỳ thường kiến phi sở tác như hư không, thị viễn lý ngôn; duy thử tam phần, thuyết danh năng lập. —

Nghĩa là: như nói cái tiếng là vô thường, đó là cái lời nói đề lập ra cái tôn; như nói vì có tánh sở-tác vậy, đó là cái lời nói đề lập ra nhơn pháp; như nói như đã có tánh sở tác thì thấy rõ nó là vô thường như cái bình v.v... đó là lời nói theo các món đồng-phẩm; như nói nếu cái gì là thường thì thấy rõ nó không có tánh sở-tác như hư-không v.v... đó là

lối nói đề chỉ rõ hề xa cái tôn thì rời cái nhơn ; duy đủ cả ba phần tôn, nhơn, dụ như vậy thì mới gọi là năng-lập. —

Phàm luân-lý là cốt đề cho bên địch nhận rõ chỗ tà chỗ chánh ; khi phá các tà-thuyết thì gọi là năng-phá, khi lập các chánh-luận thì gọi là năng-lập. Song dầu năng-lập hay năng-phá cũng cần phải đủ ba phần là tôn, nhơn, và dụ ; như theo lối lý-luận trên kia thì cái câu : “ *Cái tiếng là vô-thường* ” là tôn ; cái câu : “ *vi có tánh sở tác vậy* ” là nhơn ; cái câu : “ *như đã có tánh sở tác thì thấy rõ nó là vô-thường, như cái bình v.v...* ” là cái dụ đồng-pháp ; cái câu : “ *phàm cái gì đã là thường thì thấy rõ nó không có tánh sở tác như hư không v.v...* ” là cái dụ dị-pháp ; cái dụ dị-pháp mà nói là cách cái tôn, rời cái nhơn, là vì tất cả các món đã không có cái tánh vô thường thì quyết-định không thể có cái tánh sở-tác.

Nói tóm lại, phàm lập một thuyết gì cần phải có đủ TÔN NHƠN, DỤ mới được.

Còn nữa





Tin tức

TIN TỨC PHẬT-GIÁO Ở CÁC NƯỚC

Về tin khôi phục Bồ-đề-trường ở Ấn-Độ

Về sự này Chánh phủ Anh đã giao cho cuộc Hội-nghị Ấn-độ xử đoán. Ngài Thái-Hư ở Tàu được tin liền đánh một bức điện thoại nhờ Lãnh-sự Tàu ở Ấn-Độ chuyển lại cho các ông ở cuộc Hội nghị ấy, bức điện thoại đại ý như sau này:

Kính các ngài trong cuộc Hội-nghị đồng giám:

Bồ-đề-trường là một thánh địa duy nhất của toàn thể tín đồ Phật-giáo trong Vạn Quốc, lâu nay đã bị ngoại đạo xâm chiếm, nay nhờ quý ngài đã đề tâm đến, mở cuộc Hội nghị xử đoán về việc ấy, vậy tôi xin quý ngài mở lượng rộng lớn, lòng chính trực sáng suốt, mong chỗ ấy sẽ được trả về cho tín đồ Phật-giáo thì tín đồ Phật-giáo chúng tôi rất đội ơn làm.

Trung Quốc Thái-Hư kính khởi

LỜI KÝ GIÀ

Thế cho biết sự hờ hạo trên báo chương cũng có cái thế lực rất mạnh, nhưng chưa biết kết quả về cuộc Hội-nghị này nó sẽ ra thế nào? và Bồ-đề-trường đến ngày nào mới hoàn toàn trả về cho tín đồ Phật-giáo? Toàn thể

tin đồ ta nên có can đởm nếu Bồ-đề-trưởng mà chưa về tay chúng ta, thời sự hô hào cùng những lời kêu gào với Chánh-phủ Anh chúng ta thật không khi nào thôi.

Ai là người tai mắt trong Phật-giáo nên mạnh mẽ đứng dậy.

MẬT - THỀ

Tỉnh Giang-Tô Chùa Định-Huệ Phật học Viện
ngày 29 juillet 1937

MỚI THÀNH LẬP

PHẬT-HỌC KIỂM-TẾ HỘI

Điều lệ có quan Thống-Đốc Nam-Kỳ phê ngày 23 Mars 1937

**Hội-quán tại chùa TAM-BẢO, làng Vĩnh-Thành-Vân
RẠCH - GIÁ**

Công việc của Hội làm là :

- 1) Lập Phật-học-đường để giáo hóa cho kẻ Tăng, người tục. (Trường này chẳng những dạy rộng văn-chương kinh sách, mà có dạy cả y-học, công-nghệ và nông nghiệp).
- 2) Lập Cô-nhi-viện để nuôi cơm và dạy học cho những trẻ mồ-côi.
- 3) Lập bệnh-viện để coi mạch thì cho những bệnh nhân nghèo khổ.
- 4) Xuất bản Phật-âm tạp-chí để truyền-bá tinh-thần cứu-thế của đạo Phật cho mọi người đều biết, đừng tránh bớt những sự mê tín như xưa nay.

Ban Trị - Sự

MM. Nguyễn-văn-Đồng,	Hòa-Thượng chùa Tam-Bảo, Chánh tổng - lý
Đỗ-kiệt-Triệu,	Đốc-phủ-sứ Hồi hưu, Chánh-Hội-trưởng,
Tôn-quang-Huy,	Đốc-phủ-sứ hãm Phó nhất Hội-trưởng,

Trần-duy-Fhơ,	Trưởng tòa Phó nhì Hội-trưởng.
Nguyễn-dăng-Huê,	Thông phán Chánh Từ-hàng,
Nguyễn-văn-Lư,	Thư-ký sở Kiểm-Lâm, Phó Từ-hàng.
Huỳnh-văn-Yến,	Đốc-học trường nữ, Chánh Thủ-bồn,
Nguyễn-văn-Sết,	Cư-sĩ Phó Thủ-bồn,
Lâm-vô-Dụ,	Kinh-lý sở Khám-đạt, Kiểm-soát-viên,
Nguyễn-ngọc-Thái,	Hàng-Chánh Kiểm-soát-viên,
Nguyễn-hữu-Thành,	Chủ-sự sở Bưu-điện Cổ-văn-viên, *
Lâm-thành-Mào,	Huyện-Hàm Cổ-văn-viên,
Huỳnh-văn-Carông,	Cai-tổng Cổ-văn-viên.

VIỆC LÀM CHÙA HỘI QUÁN Ở HUẾ

Tên các người cúng số tiền làm chùa đã nhận rồi

1) Ông Võ-dinh-Dung Pháp-danh Tâm-Thuận và Bà Nguyễn-thị-Sung Pháp-danh Trùng-ứng Dalat	200\$00
2) Ông Khương-quang-Cảnh, 59 rue Destenay Vinh	6.00
3) Bà Bội-Huyền c/o Cụ Thượng Nghệ	20.00
4) Bà Diệu-Chinh c/o Cụ Thượng Nghệ	6.00
5) Phạm-khắc Hòe c/o M. le Tri-Phủ Diên-Châu	10.00
6) Bà Trần-mậu-Trình c/o M. le Tri-Huyện Quỳnh-Lưu	20.00
7) Bà Bùi-thị-Anh	chùa Từ-Đàm 10.00
8) Bà Thông-Toản	c/o Bà Tham Cảnh 5.00
9) Cụ Thượng-Nguyễn-Trùng	Huê-Khánh Đông-Ba 50.00
10) Cụ Thượng-Từ	Đông-Ba 10.00
11) Cụ Thượng Ưng-Dinh	Đông-Ba 10.00
12) Bà Cụ Hiệp Lại Thái-vân	Citadelle 20.00
13) Bà Phúc-Long	Đông-Ba 20.00
14) Bà Thanh, Thọ, Lang	c/o Cụ Thượng-Nghệ 4.00
15) Bà Thị-Tụng	Vinh c/o M.T.T. Khám 10.00
16) Ông Đốc Ưng-Thiều	Vỹ-Gia 5.00

17) Ông Hồng-Hải	Khuyuh-Diệp	10.00
18) Cụ Như-Lương	—id—	20.00
19) Bà Nhật-Thành	Rue Nam-Giao	20.00
20) Bà Đốc Căn, biền tôn, mẹ Thơm	Bến-Ngự	5.00
21) Bà Như-Niệm	c/o Cụ Thượng-Nghệ	5.00
22) Huệ, Nguyễn, Đức	—id—	5.00
23) Ông Ưng-Tu, Bà Hồ-thị-Vinh	Chợ-Cống	30.00
24) Ông bà Nguyễn-xuân-Tiêu	—id—	20.00
25) Bà Dương-Sung	—id—	5.00
26) Ông Tôn-thất-Liên	c/o M.T.T. Khâm Vinh	10.00
27) Ông Ưng-Thái	—id—	5.00
28) Ông Ưng-Tuệ	—id—	2.00
29) Ông Tôn-thất-Khâm	T.P. Vinh	2.00
30) Bà Ban-Oánh	c/o M.T.T. Khâm	2.00
31) Bà Kim-Đường	—id—	30.00
32) Bà Ban-Phong	—id—	5.00
33) Bà Nguyễn-thị-Huyền	N.118, rue Maréchal	
34) Bà Nguyễn-duy-Định	Foch Vinh	10.00
	c/o Cụ Thượng Nghệ	5.00
	Cộng :	<u>597\$00</u>

(Còn nữa)

MẤY TIN ĐÁNG MỪNG CHO ĐẠO PHẬT NƯỚC NAM

Ngài Minh-Tịnh, thân lâm ngoại cảnh, tường khảo thánh-tích ở Ấn-Độ và Tây-Tạng, hai năm mấy tháng nay, mới về đến Saigon ngày 30 Juin và đến chùa Thiên-Thai ngày 2 Juillet 1937.

Ngài có đem cùng cho Đại-lão Pháp-sư Hoà-Thượng Thiên-Thai-Tự, là thầy Bôn-sư của ngài, những vật rất báu kể ra sau đây :

1-) Ngọc Xá-lợi của Như-Lai Phật-Tổ mà ngài đã dày công cầu thỉnh tại Tháp Boudhinath ở xứ Népal (bắc Ấn-độ).

Ngọc Xá-lợi này bấy giờ tạm an-tri tại chùa Thiên-Thai :

2-) Một xâu chuỗi thập bát bảo kim-cang, hạt tròn nam khóa, không mài sửa.

3-) Một xâu chuỗi trường, bằng hạt chỉ không biết tên, mà mỗi hạt đều có một con mắt có con người giống như con mắt người ta, tự nhiên không mài sửa. Ngài có nối mỗi trái chín rồi, chẻ ra thì có 108 hạt, không dư không thiếu đủ làm một xâu chuỗi trường.

Tôi có xin ngài tường thuật việc ngài cầu ngọc Xá-lợi của Như-Lai Phật-tổ thì ngài cũng vui lòng mà cho tôi biết, nên tôi xin dâng nguyên van sau đây cho chư quý vị Hội viên và bá-gia, bá tánh tường lãm, và mừng rằng ngày nay nước Nam ta hữu-hạnh mà có Xá-lợi của Đức Như-Lai.

Vì ngài đã về xứ sở rồi, và ngài có sưu tập nhiều tài liệu và hình ảnh và định sẽ làm ra một quyển sách tường thuật rành rẽ sự hành trình và sự nghe thấy của ngài ở Ấn-Độ và Tây-Tạng hai năm mấy tháng nay, nên tôi không dám tiếp bài thơ của ngài đã gởi cho Sư Cụ Thiên-Thai, và phần nửa bài đã đang trong Bắc-Nhã-Ấm số 6. Xin quý vị hoan hỉ.

Trích lục BẮC-NHÃ-ẤM
năm thứ hai số 7.

BIÊN-BAN NGÀY 20 JUILLET 1937

Hiện diện :

Các ông : Lê-Đình-Thám
Trương-Xương
Tôn-thất-Tùng
Trương-quang-Du
Lê-vân-Lộc
Hoàng-Hữu-Khắc
Lê-đình-Lạc
Phạm-quang-Thiều

I. Ông Bửu-Bác thay lời cho Hội Quý-nhơn và Nha-trang yêu-cầu Ban Trị-sự Huế mời Đại-Hội-Đồng. Ban Trị-sự y lời ông Bửu-Bác và định 11, 12, 13 Aout 1937 mời các đại-biểu các Chi-nhánh về tại Huế để dự Hội-đồng ấy.

II. Ông Bửu-Bác lại yêu-cầu Ban Trị-sự gửi cho các chi-nhánh một cái thư nói về việc giảng-pháp xin phải do bài của Hội Trung-Uong gửi đến vì về sự hoàng-pháp Hội Trung-Uong đều phải chịu trách-nhiệm.

III. Viết thư hỏi hai thầy Giảng-Sư về việc đi giảng các tỉnh, hai thầy định đi cách nào để viết thư cho các Chi-nhánh và viết thư lên chùa Sư-Nữ, Từ-Đàm hỏi về việc các ni-có đi giảng.

IV. Ban Viên-Âm xin Ban Trị-Sự gửi một cái thư tin cho các Chi-nhánh các việc như sau này :

1. Viết thư nhờ các ông Hội-Trưởng Chi-nhánh giao Viên-Âm phát cho các Hội-viên thiệ-t hành một nhà chủ gọi một quyển mà thôi.

2. Xin các ông ấy cử-động trong Hội-viên Tùy-hỷ mua Viên-Âm.

3. Xin gửi một bản biên-bản từng tháng cho Ban Viên-Ấm để Viên-Ấm tóm tắt dâng lên Viên-Ấm tạt-chí.

V. Ban Trị-Sự nhận thơ của các Hội-Viên xin lập một Ban Hát để giúp vào việc làm Chùa và giao Ban làm Chùa xét rồi đệ lên Ban Trị-Sự.

VI. Về cái thơ Cụ Nguyễn-năng-Quốc nói về việc ông Nguyễn-Sâm thi toán Ban Trị-Sự đều bằng lòng lần-xuất ông Nguyễn-Sâm ra khỏi chân Tang-già Thiệt-hành vì những lẽ ông ấy nói không thật và nhiều có riêng nữa. Vậy xin viết một cái thơ cho thầy Trương-Vân và thầy Thiên-Ấn và trình tất cả các ngài Chứng-minh đạo-sư. Lại xin viết thơ cho các Chi-Hội về việc ông Nguyễn-Sâm đã xảy ra và xin các Chi nhánh từ nay về sau hề ông thầy, nào có giấy của Hội thì Chi nhánh mới nhận là ông thầy của Hội Huế và nếu có giúp các ông thầy về việc gì đều xin hỏi trước Hội Huế.

VII. Đọc thơ của Ông Nguyễn-khoa-Toàn nhận việc về khoản ông đi sang Pháp.

VIII. Ban Trị-Sự định trả tiền 40 lít dầu xăng cho ông Lê-dinh-Thám về việc đi giảng ở làng Bao-Vinh họ.

Signés :

Các ông : Lê-dinh-Thám

Trương-Xướng

Tôn-Thất-Tùng

Trương-quang-Du

Lê-vân-Lộc

Hoàng-hữu-Khác

Lê-dinh-Lạc

Phạm-quang-Thiện



THI - LÂM

Bài thi đưa thầy Tô-Liên về Bắc

次韻敬贈遊方僧素蓮禪兄 歸北二首

顛破無明仗佛陀
 敢將三界作吾家
 也知勝友懸心月
 猶憾群生帶眼花
 來去隨緣還似我
 北南際會卽非他
 窮陬自愧才疎甚
 此後相逢有日耶

Dám nhứt om Phát phá vô-minh
 Ba cõi tứ đấng khỏi buộc mình,
 Bực-rở trắng lòng mừng Thăng hữu,
 Tối tâm mắt thịt xót quần sanh.
 Giao-dung vẫn biết tuy không tướng,
 Ứng-liện tưởng như phải có hình.
 Nam, Bắc còn mong ngày gặp-gỡ,
 Rửa tai xin đợi tiếng đình-ninh.

心臺身樹本來魚
悲願何妨試夢遊
千里多君飛寶錫
半生笑我撥寒爐
非闕塵世番虛跡
爲契時機作遠圖
正喜相逢又相別
數辭珍重莫嫌粗

Vấn biết thân tâm cũng huyền mà,
Tùy duyên chẳng ngại lúc vào ra;
Thênh thang tích báu khen tài bạn,
Bươi móc tro tàn hồ phận ta.
Danh hảo, đã đành không bận-bịu,
Đạo mẫu, âu phải tính gần xa,
Chưa vui sum hiệp đã chia cách,
Quê kịch vài câu để gọi là...

**Bài thơ của Ông TỰ - GIÁC Cư - sĩ gửi cho
Tòa - soạn Viên - Âm**

Đã hay đạo Phật tối cao thâm,
Nam-Việt tôn sùng cổ chí cảm.
Sao chẳng lập ra Nam-Việt-hội,
Ba kỳ duy-nhất giải đồng tâm???

Cảm-hoài

Nhiều người mộ đạo đáng mừng thay!
Nhưng rũi sai lầm nghĩ xét cay.
Phật-pháp nhứt thừa sao lắm hội:
Tiên-Long đồng huyết nở rời tay?
Nghìn khe ri ri Thuyền thêm ghềnh,
Một bề mệnh mỏng Nốc nhẹ hay.
Vững lái xuôi buồm trời biển lặng,
Niết-Bàn mấy chốc đến bờ ngay.

Cuộc thế lầy bầy chỉ lộn vòng,
Giàu nghèo chìm nổi kiếp nào xong?
Nghèo lo đói rét, lo khô xác,
Giàu sợ tai ương, sợ héo lòng.
Kiếp trước vụng tu đánh quả báo;
Đời này sớm tỉnh lãnh long dong.
Luàn-hồi gắng thoát cho mau rảnh,
Hương-đạo kia kia, chỉ nguyện mong.

Khó giàu tùy phận, phận tùy duyên,
Quyết chí qui-y chỉ một nguyên.
Giàu sẵn thân nhân giàu cố gắng,
Khó còn tâm qui khó cần chuyên.

Chim ưng làm tổ chim tha mãi...
Nước muốn băng đôi nước chảy xuyên...
Nhân-quả rõ ràng ta tự chịu.
An tâm lạc đạo ấy thần tiên...



Luân-hồi bề rộng lấp ngay đi,
Sớm lấp bao nhiêu sớm phần li.
Rãnh rồi mai chiều chuyền tự tình,
Miệt mài ngày tháng chờ sân si.
Chơi, làm văn nghĩ đều ăn oán,
Viết, nói thường suy lễ tiện nghi.
Nhớ mãi trên đầu Tam-Bảo chứng,
Mặc dù thế biến chi không lý.



Trước khi đi ngủ xét ngày qua:
Sạch sẽ qui ngang trước bảo tòa,
Muôn lời không quên, thể hối cải,
Một lành nỗ như, nguyện bốn ba.
Chàng cầu hiền ứng giàu sang báo,
Chỉ muốn sinh linh Tịnh-Độ mà.....
Mắt nhắm lìm đim, tay nắm chuỗi,
Tương nhìn thấy Phật, niệm Di-Đà.

Tự-Giác Cư-sĩ (Nghệ-An)

HỌA

Bài hỏi « Một đạo cơ sao chia nhiều Hội? »

Vì chúng Phật-pháp rất huyền-thâm,
Tam tạng lưu truyền tự cổ kim.
Cây đũa nhiều cành nhưng một gốc,
Hội nào chẳng chủ lý duy-tâm?

Duy-Tâm vận pháp mấy ai lường,
Nở chấp *Từ-Bi* có đoạn, thường.
Luồng sông *Pháp Âm* nay đã nổi,
Cánh buồm *Bác-Nhả* mới vừa trương.
Tiếng-Chuông-Sớm gọi người mê mộng,
Đuốc-Tuệ xa soi kẻ lạc đường.
Tam-Bảo, hồng ân xin chứng giám,
Viên-Âm thầy chúc đặng miền trường.

Mừng ngài **Tự-Giác Cư-sĩ**

Mừng ngài đã rõ thể từ-bi,
Muôn kiếp luân-hồi bởi chữ si.
Sao chẳng vận duyên mà độ chúng,
Nở nào thủ phận giả hồ nghi.
Đầu cho thấu đạo rồi đi nữa,
Mà nở giúp đời có ích chi?
Độc-Giác, *Thanh-Văn* còn quái ngại,
Lợi-tha *Bồ-Tát* mấy ai bi???

D. K.

Bài thơ của thầy **Mật-Thễ** trước khi qua Tàu

Muốn cho rặng về giống *Hồng-Bàng*,
Tham học quê người nhẹ bước sang.
Phật-lý xét cùng nơi *Bắc-Quốc*,
Ma-quần trấn dẹp chốn *Nam-hoàng*.
Giữa đời ngũ trược tung linh kiếm,
Trong đám quần mê dựng pháp-tràng.
Học đạo quyết thể cho được đạo,
Nhơn-gian cứu thoát khỏi cơ hàng.



TRÍCH BIÊN - BAN NGÀY 7 AOUT 1937
CỦA HỘI-ĐỒNG BAN TRỊ-SỰ HUẾ

Hiện - diện

	Cố Phó Hội-Trưởng Lê-Nhữ Đại-nhon.	
MM.	Lê-dinh-Thâm	Tôn-thất-Tùng
	Trương-quang-Du	Hoàng-hữu-Khắc
	Lê-văn-Lộc	Lê-dinh-Lạc
	Phạm-quang-Thiện	Mme Trương-Xương

Có M. Churong et M. Quyen (chi hội Khánh-Hòa), M. Kim et M. Duy (chi hội Tourane) đến dự Hội.

I. Ban Trị-Sự định đề các chi Hội góp 15 nguyệt-liêm bát-dầu từ khi thi hành theo điều-lệ mới cho đến cuối tháng chạp tây, theo lời yêu cầu của ông Vũ-như-Kim và ông Nguyễn-bá-Duy (chi hội Tourane), vì các chi-hội mới thành lập và còn ít hội-viên.

II. Ban Trị-Sự định viết thư cho các chi hội và hội-viên ở Huế đề quyền tiền giúp đàn Bác-ký bị lụt, chi hội nào quyền được bao nhiêu thì trả lời cho hội chánh biết. Còn về tiền bạc quyền được trong hội-viên thì cứ lấy tên An-nam Phật-học-Hội nhờ quan Sứ tỉnh gọi ra Bác-ký cho. Các số tiền cùng sẽ đăng lên Viên-Ấm nguyệt-san.

Signé : Cố Phó hội-trưởng Lê-Nhữ đại-nhon

MM.	Lê-dinh-Thâm	Tôn-thất-Tùng
	Trương-quang-Du	Hoàng-hữu-Khắc
	Lê-văn-Lộc	Lê-dinh-Lạc
	Phạm-quang-Thiện	Mme Trương-Xương

P. Le Président,
Le Secrétaire,

TỜ TRÌNH TÓM TẮT VỀ VIỆC HOÀNG PHÁP Ở CÁC CHI HỘI

THANH HÓA

Tháng Août 1937

- 1) Số Hội-viên cộng là 64 người,
- 2) Ngày giảng kinh nhằm ngày 16 Août 1937
- 3) Đề bài giảng là : Vì sao chấn hưng Phật Pháp,
- 4) Ông giảng sư là một thầy Học-sinh trường Đại Học pháp hiệu là Mật-Nguyễn lại có ngài Chứng Minh Đại-Đạo-Sư Giác-Nhiên ở Huế ra dự lễ ấy.
- 5) Giảng tại chùa Đại-Viên, trang hoàng rất rực rỡ, số thỉnh giả tới nghe gần 700 người.
- 6) Các việc vật trong hội thời ngày 21 tháng Août 1937 gồm có :

Hội-Trưởng : S.E. Nguyễn-suân-Đàm, Thượng-Thor trí sự,
Phó Hội-trưởng : S.E. Nguyễn-bửu-Phái, Tuần-Vũ trí sự,
Chương-Quy : M. Đặng-ngọc-Thụ, Infirmier.
Phó Chương-quy : Chưa cử,
Thư-ký : M. Đặng-ngọc-Sách, Secrétaire Trésor,
Phó Thư-ký : M. Trần-cao-Tiểu, Secrétaire Travaux Publics,
Kiểm-sát : M. Trần-đức-Chương, Secrétaire Trésor,
M. Lê-đình-Huê, Secrétaire archiviste T.P.,
M. Hà-thúc-Tấn, Thừa Phái.

Hiện nay Chi-hội đang đợi phép thành lập đề bầu ban Trị sự chính thức và ban Chứng Minh đạo sư.

VINH

Tháng Août 1937

- 1) Số Hội-viên cộng là 72 người,
- 2) Ngày giảng kinh : mồng 10 tháng bảy Annam (15 Août 1937)
- 3) Đề bài giảng là : vì sao chấn-hưng Phật-pháp,
- 4) Ông giảng sư là một thầy học sinh trường Đại-Học pháp hiệu là Mật-Nguyễn.
- 5) Giảng tại chùa Tập-Phúc số thỉnh giả hơn 300 người,

TOURANE

Tháng Août 1937

- 1.) Số Hội Viên cộng là 242 người.
- 2.) Ngày giảng kính mừng một tháng bảy.
- 3.) Ông giảng sư là Ông Đôn-Hậu (Tăng già).
- 4.) Giảng tại: Giảng đường Hội Quán rue Sabiela.
- 5.) Các việc vật trong Hội: rằm tháng bảy làm lễ Vu-Lang và quy-y cho một ít Hội Viên.

FAIFOO

Tháng Août 1937

- 1.) Số Hội viên cộng là 151 người.
- 2.) Ngày giảng tối mừng 3 và tối 17 Annam.
- 3.) Đề bài giảng là: Đâu là con đường hạnh-phúc?
- 4.) Ông giảng-sư là: thầy Đôn-Hậu.
- 5.) Các việc vật trong Hội: Cổ động bán Viên-Âm, làm Hội-Quán

Toàn thể Chi-hội chúng tôi kính cáo cùng quý thiện nam và tín nữ, xin phát bồ-đề-tâm quyên trợ cho Chi-hội chúng tôi trong lúc này, công đức thật là vô lượng vô biên, chúng tôi lấy làm cảm tạ vô cùng.

NHA-TRANG

Tháng Août 1937

- 1.) Số Hội viên cộng là 151 người.
- 2.) Ngày giảng kính mừng 1 tháng 7 ta (6 Août 1937)
- 3.) Đề bài giảng là: 1. — Bàn việc hội. 2. — Phải đọc Viên-Âm 3. — Trật-tự nghi-tế và trật-tự Xã-hội. Diễn-giã là ông Trần-Dang-Khoa.

Ngày rằm giảng: Thế nào gọi là người tu Phật.

Diễn giả : M. Phạm-Đình-Vinh Cố-vấn hội Tịnh-Độ Cư-Si ở Nam-kỳ nhơn đi ngang Nha-Trang viếng chùa xin giảng.

28 Août giảng : Tam Quy và Ngũ Giới.

Diễn giả : Đặng-ngọc-Chương.

4-) Giảng tại Hội Quán ở chùa Long-Sơn Nha-Trang.

5-) Các việc vật trong hội gồm có :

1. — Lập ban Tịnh-độ, sắm tràng phan.

2. — Trù tính việc làm chùa.

3. — Đặt bà Kiểm sát để lo các Phật sự thuộc về Phụ nữ.

4. — Công viá đức Đại-Thế-Chí-Bồ-Tát ngày 13 tháng 7 (16 Août)

5. — Trần thiết Hội Quán cho huy hoàng.

6. — Ngày lễ rằm tháng bảy.

7. — Đặt Insignes cho tất cả Hội Viên (theo kiểu Huế)

8. — Lập ban đồng ầu để xướng tán Phật.

9. — Sự thuyết chuyện Hội Viên : M. Đỗ-hữu-Đức thiết hành Hội Viên xin ra hội.

PHAN-THIỆT

Tháng Août 1937

1-) Số Hội-viên : 32 người.

2-) Ngày giảng kinh : 14 Août 1937.

3-) Đề bài giảng là : Tứ-diệu-đức, chỗ cứu-cánh của Phật-pháp và phương-pháp giải-thoát.

4-) Giảng tại : Nhà giảng Phan-Thiệt.

5-) Các việc vật trong hội : Hội-viên cử bà Cụ Tuần Phạm-Ngọc Quát thay mặt cho toàn thể hội-viên ở Phan Thiệt.

CHI GIẢNG ĐƯỜNG

Tại làng Tân-Trại tỉnh Quảng-tại hơn 60 Hội-viên yêu cầu xin lập chi-giảng-đường, có lễ tháng sau đã thành lập.

Tại Huế

Tháng Août có giảng 3 làng như sau này : Thanh Phước, Kim Đồi, Bao-Vinh-hạ, được công chúng rất hoan nghinh.

Vinh le 30 Août 1937

*Les membres de la Religion Bouddhique de Vinh
(Section filiale à Vinh)*

*à Monsieur le Président de la Société d'Etude et
d'Exercice de la Religion Bouddhique
à HUÉ*

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Thưa Ngài,

Chúng tôi có lời trân trọng thưa Ngài cùng Ban Trị Sự được rõ về sự giảng đạo lý hôm mùng 10 tháng 7 Annam vừa rồi đều được hoàn toàn, phần hội-viên rất hoan hỷ, phần người ngoài đều ca tụng lợi ích về sự hoàng pháp, vì xưa nay chưa từng có ở Vinh, và cũng làm người muốn tán thành cho được thêm mỹ mãn.

Vậy tôi xin thay mặt cho anh em chị em ngoài này có lời cảm tạ quý Ngài cùng Ban Trị Sự đã hết lòng chiếu cố giúp giùm cho chúng tôi bước đầu tiên có phần chu đáo, còn công đức thầy Túy-Ba, Ngài Mật-Nguyễn, chúng tôi cầu nguyện và xin ghi nhớ.

Chúng tôi xin nguyện gắng bước theo đường Bồ-Đề và khuyến khích cùng người quen kẻ lạ, chung lo công việc hoàng pháp được ngày ngày thêm mỹ mãn.

Trước hết chúng tôi ước ao ở Vinh được phép mở chi nhánh thì bấy giờ mới có thể làm việc được dễ dàng và mau chóng.

Tiền đây tôi xin gửi theo 12 giấy vào Hội Viên.

Ký: TÓN-THẮT-KHÂM

T. B. Đáng lẽ tôi phải viết thư này từ hôm trước, song vì bận làm việc bề trên nài, xin quý Ngài miễn trách cho.

**TÊN CÁC NGÀI TRONG BAN GIAO-THIỆP CỦA
TÒA-SOẠN VIÊN-ÂM**

Từ nay bà con mua Viên-Âm muốn hỏi han gì về việc Viên-Âm thì xin hỏi các ngài trong ban Giao-Thiệp có tên sau này sẽ được nhiều điều tiện lợi :

CAO-MÈN

PHNOMPENH

Ông Nguyễn-văn-Lâm, Staire ppal de Trésorerie.

TRUNG-KỶ :

THANHÓA

Ông Đặng-ngọc-Thụ, Hôpital.

VINH

Ông Tôn-thất-Khâm, Travaux Publics (Nord Vinh)

ĐÔNGHOI

Ông Chi-hội-trưởng, Annam Phật-học-hội.

TOURANE

Ông chi-hội-trưởng, Annam Phật-học-hội.

FAIFOO

Ông Chi-hội-trưởng, Annam Phật-học-hội.

QUANGNGÃI

Ông Hoàng-mộng-Lương Médecin

QUINHƠN

Ông Võ-minh-Huy Représentant de Commerce

NHATRANG

Ông Nguyễn-dặng-Khoa Adjoint technique Travaux Publics

Ông Vương-gia-Bật (Đại-lý) Mộng-lương Thư-quán

SÔNGCẦU

Ngài Từ-Nhân, chùa Sắc-Tứ-Bác-Nhã

PHANTHIẾT

Ông Cao-xuân-Lễ Secrétaire prinsipal des Résidences

KONTUM

Ngài Trù-Tri chùa Sắc-Tứ-Bác-Ái.



TIN TỨC NƯỚC NGOÀI

DUY VẬT LUẬN KHÔNG KHEO SẼ BỊ CHÌM ĐÁM CHẶNG ?

Thế-giới ta hiện ở đây, đầu tâm đầu vật đều có thể nói là thế-giới trừu-tượng. Nếu người không có đủ tri-huệ soi thấu tánh-chất và công-năng của thế-giới cụ-thể, rồi chỉ đứng về phương-diện trừu-tượng mà chấp là duy-vật hay duy-tâm gì gì, như thế đều mất phải bình thiên, quyết không bao giờ thấy rõ được chơn-tướng của vũ-trụ : trái lại, không trước thì sau, không khéo lại sẽ bị lăn sóng tư-trào xô đẩy mà phải chìm đắm là khác.

Gần đây tư-tưởng của nhơn-loại hình như xu-hướng về duy-vật, ấy là một sự diễn biến trên thế-giới. Đại khái có một hạng người họ cho tư-tưởng ấy là tư-tưởng mới, theo tư-tưởng ấy mà sanh-hoạt mới gọi là tân-sanh-hoạt : sanh hoạt đầy đủ tốt đẹp là vật-chất sanh-hoạt cũng sự hưởng dụng về vật-chất.

Chớ biết đầu sự hưởng-dụng về vật-chất là cơ khí tạc đạn, là tân-nhân bạo độc, ngày ngày thấy vẫn chen lấn nhau trên trường thị dục, đến nỗi gây nên nhiều thảm-trận gớm ghê, cũng là vì thiên về những sự phát-triển của vật-chất, mà sự phát-triển ấy lại là không điều hòa không yên ổn, ấy thế nên duy-vật luận đối với tư-tưởng giới, thành ra khó khan mà không có ý vị.

Duy-vật và duy-tâm sự hiển-nhiên là có nhiều chỗ không đồng nhau, nhưng chỗ không đồng ấy xét từ khi có lịch-sự văn-hóa đã phơi bày rõ ràng không phải nhơn-loại ngày nay

mới dòm thấy. Thời đại xoay vần, nhơn tâm thay đổi, trên trường ngôn-luận duy-vật và duy-tâm đã nhiều phen gây nên chiến-tranh xung đột, nhưng xem kỹ rồi cũng không thấy bên nào phải bị diệt vong, chẳng qua cùng nhau diễn tuồng đặng mua vui cho công chúng dấy thôi.

Muốn nói cho đúng hơn thì tư tưởng gần đây lẽ tự-nhiên là tư-tưởng duy-vật được chiếm lấy thế-lực mạnh nhiều, nhưng nếu đem con mắt của các nhà học-thức ở Đông, Tây hiện giờ mà xem xét mà phán đoán, thì rồi đây trên trường ngôn luận không khéo duy-vật lại sẽ bị chìm đắm, mà bước vào cảnh suy kém. Tục-ngữ Tàu có câu: « Vật cực tất phân », nghĩa là phạm sự vật gì mà đã đến trình-độ cực điểm, không khéo sẽ bị sứt lủi, không cứ sự sanh-tồn của vật-chất là phải thế, cho đến tư-tưởng diễn biến cũng phải thế, nên câu ấy cũng là một nguyên-tắc của diễn-hóa luận vậy.

Hiện nay các nhà học thức ở Đông, Tây phần nhiều đã xét đến hình thế của Duy-vật sắp nguy hiểm, nên nếu có dễ xướng hay chủ trương vấn đề gì thấy họ không còn thiên về duy-vật hoặc quan-niệm gì gì nữa, mà lại thấy luận về « tâm, vật nhị nguyên như thể »; luận này xem ra gần in duy-thức luận, mà không khéo nó lại là một bộ phận của duy-thức học.

Chúng ta nên biết đầu tâm đầu vật cũng chỉ là trừu tượng, nên sanh-mệnh của cá-nhơn hay sanh mệnh của vũ-trụ cũng thành hai phương-diện mà không thể gọi là tuyệt-đối.

Tư-tưởng Phật-học rất thích hiệp với bản thể thật hiện mà lại biện lý một cách rõ ràng sát thật, toàn bộ Phật-giáo là do đức Thích-Ca sau khi chứng-ngộ chơn-trướng của vũ-trụ mà lưu lộ ra, nên Phật-học đã không thiên về vật mà cũng không thiên về tâm; chẳng qua người đời đối với Phật-học, theo chỗ nhận-thức của họ mà họ cho là duy-tâm, hoặc quán niệm cho đến huyền-học, thần-học, hình-nhi-thượng-học vân vân, những chỗ nhận thức ấy ta có thể ví bằng người mù, rờ voi không khác.

Vừa rồi ký-giả cô đọc bài « hiện đại vật-lý học chỉ tâm vũ-trụ quán » đăng ở báo Đông-Phương tạp-chí (Tàu), tác-giả là

Thái-Tư-tước-sĩ người nước Anh, nội dung bài ấy tác-giả khéo dùng luận-lý của khoa-học và sự tiến-bộ của vật-lý-học mà dựng nên một học-thuyết có thể gọi là tân triết-học, mà tân triết-học ấy lại rất hiệp với duy-thức học của Phật-giáo. Hình như tác-giả đã thâm hiểu chỗ thuần túy của duy-thức-học, rồi căn cứ vào chỗ thực-nghiệm của vật-lý-học mà viết ra, vậy nên ký-giả rất trông mong các nhà học-thức nước ta, từ nay nên xét cho kỹ, chớ vội xem Phật-giáo bằng con mắt khinh thị mà không cần phải nghiên cứu đến.

Tiên-Sơn Phật học-Viện

3 7 3, Phật-lich 2964

MẬT-THÈ

Thơ tin

Chúng tôi tiếp được thơ đề ngày 31 Juillet 1937 trong có cái mandat 2\$00 số 024 020,527 ngày 28,7,37 mua tại Soctrang nói trả tiền Nguyệt-san năm thứ nhì mà không đề rõ tên người nào trả; Vậy ngài nào ở Soctrang đã gởi mandat trên xin cho biết tên họ để tiện việc sổ sách.

VIÊN-ẨM

KÍNH CÁO

THƯA QUÍ ÔNG QUÍ BÀ,

Toàn thể Chi-hội Phật-học ở phố Hội-An kính cáo cùng quý Chi-hội Phật-học và quý ông quý bà hay rằng: Ban Trị-sự chúng tôi khởi làm hội-quán từ ngày mồng 8 tháng tư đến nay — lễ đặt đá làm tại ngày ấy — Vì tài-chánh eo hẹp, hành quyền khó khăn, nên công việc chậm trễ, xin quý Chi-hội Phật-học, quý ông và quý bà đã giàu lòng mộ đạo, phát tâm quyền trợ cho Chi-hội chúng tôi mau đạt được mục-dịch, chúng tôi xin cảm tạ đạo tâm của quý ông quý bà vô cùng.

NAY KÍNH,

Annam Phật-Học-Hội, Hội-An Chi Hội

BIỆT CHÚ. — Quý Chi-Hội, quý ông và quý bà muốn hỏi về công việc làm Hội quán của Chi-Hội chúng tôi xin gửi thư cho ông PHẠM - NHẬN, Débitant SICA à Faifoo.